

In lần thứ nhì

Mỗi cuốn 0\$50

S.
INDO-CHINOIS
1006

古迹疏解

CỔ TÍCH SƠ GIẢI

Chủ bút:

ĐẶNG-LÊ-NGHI

Chủ bản:

PHẠM-VĂN-THÌNH



Bản này ông Đinh-thái-Sơn nhường dứt
quyền xuất bản cho tôi.

TOUS DROITS RÉSERVÉS

*Cuốn gian thì không đóng dấu của chủ bản,
xin chớ vị chớ làm.*



NHÀ IN XUA-NAY

60-64, Boulevard Bonard, 60-64

SAIGON

S. Indoch
1006

PHẠM-VĂN-THÀNH

N^o 170, Rue Van-Vollanhoven -- Chợ lớn

BÁN SĨ VÀ BÁN LỄ

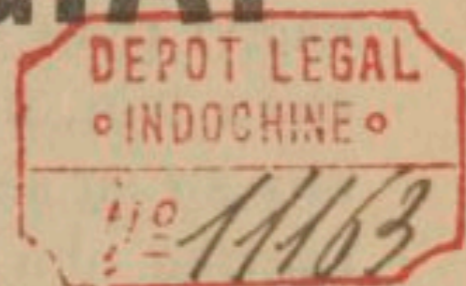
Thơ, Tuồng, Truyện, Tiểu-thuyết, Tuồng Cãi-lương
và các thứ Sách vở chữ Quốc-ngữ.

KÍNH CÁO

Kính lời tỏ với đồng ban,
Tiệm tôi sách vở ngón ngan thiếu gì.
Ở xa dầu muốn thứ chi,
Viết thơ gửi đến tức thì hồi âm.
Hàng gửi lãnh hoá giao ngân,
Tại nhà giấy thép mười phần tiện thay.
Bán buôn giữ dạ thẳng ngay,
Hàng tin giá rẻ ít ai dám bì.
Tuồng xưa Thơ cũ thiếu chi,
Lại thêm Tiểu-thuyết kim thì soạn ra.
Truyện tàu diễn nghĩa kia là,
Cãi-lương tuồng hát ngâm nga vẫn dài.
Câu hò, câu hát cũng hay,
Ân tình, phú, vịnh coi rày vui tâm.
Sách bói cùng sách bạng xăm,
Tiểu-đàm lại với Tiểu-lâm tức cười.
Sách dạy những việc ở đời,
Sách học, dạy trẻ sau thời nên danh.
Sách dạy nhi nữ chỉ rành,
Nấu ăn làm bánh, tập tành đức dung.
Sách vở nói chẳng hay cùng,
Kể hoài thì cũng lung tung còn hoài.
Cúi xin liệt vị quý ngài,
Giúp lời thanh vượng ơn tàỵ nam-sang,
Chen vai cùng khách ngoại bang.
Ấy nhờ chư vị đồng bang thương tình.
Vốn tôi tên Phạm-văn-Thành,
Chúc cho liệt vị khương ninh thọ tràng
Nay kính

CỔ TÍCH SƠ GIẢI

1. — *Viết liên dán cửa ngõ.*



Mỗi năm từ ngày hai mươi sáu tháng chạp cho chí ngày ba mươi, người ta lẫn lẫn viết liên dán cửa dán cột, người biết viết thì viết, người nào không biết thì mượn, viết tin những là lời chúc: Phú quới, vinh hoa, bình an, phước thọ, tùy theo ý mỗi người. Sách Sơn-hải kinh nói: Phía đông núi Sóc-sơn có một cây đào lớn lắm không biết là mấy đời, cây đào này tàn nó de ra ước chừng hai ba trăm dặm, trong mình cây đào ấy, có hai vị thần, tên là Thần-thơ, Huất-lũy (luật), hai vị thần này ghét yêu ma, tinh, quỉ, nếu bắt dặng thì nuốt, hề hai vị thần ấy đi đâu thì tay có cầm dây kiếm ma quỉ mà bắt, nên ma quỉ sợ lắm, hề thấy danh Thần-thơ Huất-lũy thì sợ chẳng dám vào. Bởi đó nên tục xưa cần viết bốn chữ Thần-thơ Huất-lũy, mà dán cửa ngõ dặng ma quỉ thấy danh mà không dám vào mà khuấy phá.

Thế tục cũng noi theo, mà lại cãi ra cách khác, cũng như cuộc ăn Thanh-minh, xưa vốn là cuộc bi ai, mà bây giờ cũng làm tương tợ, mà xem ra như cuộc vui chơi. Thật là trời đất xây vắn, phong tục đời đời.

2. — *Thắp đèn sáng, đêm ba mươi tháng chạp với những đêm trong mấy ngày xuân.*

Tục lệ thường thường hề đến bữa chiều ba mươi tháng chạp, nhà nhà đều lo dọn dẹp sạch sẽ, sửa soạn bàn thờ quét tước nghiêm trang, thắp đèn sáng rỡ chực mà rước xuân, đó là tiết chánh-đán, gần đến, ai nấy lo lẫn rước sự mới là rước xuân, sách Đại-thánh nói: Viện viện dẫn hỏa, nhà nhà đèn lửa sáng trưng, chong đèn sáng, chong đèn mới là có ý rước mới là rước mấy vì quá-vắn về, mà vui với con cháu trong mấy ngày xuân, ba ngày ấy con cháu đều vọng tưởng



các vì quá-vãn, tưởng sự chết như sự sống, chong đèn sáng là có hai ý một là vui về ngày xuân, hai là làm cho kẻ gian không đến; sách Thiên-nguyệt-linh nói: Có hai con quỉ tên là Na-ông Na-bà, đêm ba mươi nó hay phân nhau núp theo bóng tối vào nhà mà phá người ta, (trong nhà thì có các vì thần gìn giữ, mà bữa ba mươi, mấy vì thần mắc về châu trời, nên quỉ nó không sợ ai), mà quỉ này tánh nó hay sợ sự sáng hay sợ tiếng nổ van xa, nên bữa tối ba mươi, thì nhà nhà đều chong đèn sáng rồi đốt pháo van rân, làm cho quỉ sợ không dám vào nhà. Qua đến bữa mồng một thì có các vì thần trở về. Mà thế thường cứ việc đốt pháo lu bù không biết là bữa nào.

—*—*—*—

3. — *Dựng nêu.*

Bữa chiều ba mươi lối bảy tám giờ tối, thì người ta lấy cây tre hoặc là tầm vông mà róc chừa cái ngọn lại có lá, gần trên chót vót cây tre có buộc vô 1 cái bùa bác quái, với một cái đồ nhỏ, trong đồ để lá vàng bạc với trầu cau vôi. Sách Ấu-học-tâm-nguyên nói: trong cõi thế gian mỗi chỗ đều có 1 vì thần trấn nhậm, để mà cai trị yêu quỉ kẻ nó hại nhơn dân, mà bữa chiều ba mươi là bữa chư thần đều về châu trời (Triều-thiên) nên không ai mà cai trị, bởi đó nên ma quỉ dùng dịp bữa đó đi phá người ta. Cái bùa bác quái treo trên cây đào là có ý trừ quỉ, còn cái đồ nhỏ đựng trầu cau thì là không có nghĩa lý chi, nhưng mà phải làm 1 chút tiểu lễ cho dễ xem, xưa dùng cây đào, mà tục lại dùng là cây tre đôi cách, cũng như cây gậy của mấy người phò linh cữu thì bằng tre với một đồng (vông) mà xem ra người dùng bằng cây tầm vông.

—*—*—*—

4. — *Đốt pháo đốt lới.*

Tích đốt pháo, sách Ấu-học-tâm-nguyên nói: Hòn núi phía tây có một con quỉ tên là Sơn-Tao, con quỉ này nó đi gặp ai thì bắt nấy làm cho phải đau ốm bệnh hoạn. Đời nhà Đường có tên Lý-Điền, có phép trừ quỉ: người trong làng có bị quỉ bắt thì phải mau mau đi mời Lý-Điền, đến mà trừ nó. Thầy Điền đến chẳng thèm dùng phù pháp hay là ếm đối chi cả, thầy bảo lấy mắc tre bỏ vào bếp mà

đốt nổ vang, quỷ Sơn-tao nghe tiếng nổ sợ kinh hãi xuất ra khỏi mình, người bình tức thì tỉnh lại hết mê sảng, trong vài ngày thì mạnh ; thế tục noi theo đó, đốt pháo là cố ý làm cho ma-quỉ sợ mà chạy đi, chỗ nào không có pháo thì đốt lói, đốt lói, là đục lỗ trong cây, rồi đổ thuốc súng vào làm ngòi, đóng nút cho chặt, châm ngòi nó cháy tới thuốc thì nổ lớn lắm, còn nó tắc ngòi thì không nổ, mà xem mặt người đốt lói đó thì lơ láo, bộ mắc cỡ vì là công phu làm đả lâu mà đốt nó không nổ, nên lời tục hay nói rằng : Coi bộ đốt lói không kêu, là bộ lơ láo, và có ý chê bất tài làm không nên việc.

5. — Ngày tết, tục hay nói : Ngày tư, ngày tết, tết nhứt, ba ngày xuân nhứt.

Ngày tết, là ngày chánh-đán, vốn thật là tiết nhứt mà nói trại là tết nhứt, còn nói ngày tư ngày tết, vốn là tự tiết, mà nói trại là tư tết, chữ tự, tựa là đầu câu, đầu bài, đầu tháng, đầu mùa, đầu năm, đầu tiết xuân. Mà cũng có ý khác hiểu riêng nói ngày tư, ngày tết, là ngày dùng mà đi đến đền ơn trả nghĩa cho người làm ơn cho mình, đó là việc tư của mình. Sách Ấu-học-tâm-nguyên nói : Đời nhà Tấn, có bà Trần-Nguyên là vợ vua ; đến ngày mừng một tết, bà ấy hái hoa tiêu là thứ hoa thơm, để lên mâm vàng đem đến dâng vua mà nói rằng :

My tai linh hoa viên thái viên hiếu thanh duy ưng chi vinh thọ thiên vạn (hoa linh tốt thay bền hái dâng, xin vua hưởng đó hằng sống lâu muôn tuổi.)

Trong Đường-thi nói : Bàn xuất cao môn hành bạch ngọc, thể truyền tim thủ tống thanh lục (bung mâm đi đến cửa sang trọng làm lễ dâng ngọc trắng cùng bảo nhau lấy chỉ xanh cột tay). Trong thế tục noi theo, hễ đến ngày tết, thì bung mâm lễ vật đem đến nhà sang trọng mà dâng cùng là chúc thọ cho người ơn nghĩa của mình.

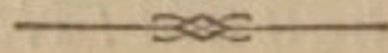
Còn tay cột chỉ xanh là chỉ dấu cho nhớ ngày xuân, ấy là phép xưa của ông Thanh-đế dạy, mà trong thế tục bỏ cách ấy.

Sách lễ Thiên-nhạc ký nói : Ngày mừng một tết đình thần làm tờ biểu dâng vua như vậy :

Kiênng phước duy chi khánh, Bệ-hạ giữ thiên đồng hữu, thần đẳng cần thượng thiên thu vạn tế thọ. (Mình chung phước cả chung mới, Bệ-hạ vi đồng như trời, chúng tôi xin dâng lễ thọ ngàn thu muôn tuổi.) Đời nhà Đường các quan cũng làm y như vậy, đình thần đến dâng vua, thì vua Đường có xuống lời chấp đáng rằng :

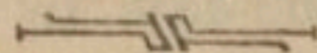
Tân phước chi khanh, trẫm giữ khanh đồng đẳng chi. (mình phước năm mới ta cùng bọn người đẳng chung thấy.)

Trong tục lệ tới ngày tết người nhỏ đến dâng tuổi chúc thọ cho người lớn, người lớn dả ơn, hoặc cho tiền bạc chi mà thế lời chúc lành. Bởi đó nên trẻ còn thơ ấu thì bay trông tới ngày tết, dâng đi dâng tuổi kiếm tiền mua pháo đốt.



6. — Thần Chung-Khuê, thần-Hư thần-Hao.

Trong thế sự thờ thần Chung-khuê, hoặc mua về dán nơi cửa nhà, trong Ấu-học Tầm-nguyên nói : Đời nhà Đường vua Minh-Hoàng, nhằm lúc se-đa (đau) năm mê mang ngó thấy hai con quỉ đến muốn bắt mình, vua bèn hỏi rằng : Chúng mi là ai đó ? Hai quỉ xưng rằng : Chúng ta là thần Hư, thần Hao, hai quỉ đang nói, bỗng đâu có một vị thần bay đến, bắt hai con quỉ đó mà nuốt đi, vua Minh-hoàng thấy lấy làm lạ bèn hỏi rằng : Mi là ai ở đâu mà đến ? Người thần này bèn trả lời cùng vua rằng : Tôi là người học trò ở xứ Chung-nam, năm Võ-dức, tôi có đi ra thi Tấn-sĩ, mà không đậu, tôi tức mình bèn đập đầu vô điện mà chết, thật vua có lòng thương người hảo học, nên vua dạy ban y phục theo bực Tấn-sĩ mà chôn, tôi lấy làm cảm đội ơn vua vô cùng. Nay tôi thấy hai con quỉ nó muốn làm hại mình rồi, nên tôi phải trừ nó, có ý dền ơn ngày trước, vua đã có lòng thương tôi. Vua giết mình thức dậy thì bình dả lành. Vua bèn dạy vẽ tượng Chung-khuê mà thờ. Người ấy là người trừ quỉ. Tích thờ tượng Chung-khuê là từ đời Đường vua Minh-hoàng cho đến nay.



7. — *Mùa Xuân con én đưa thoi, thiều
quang chín chục, v. v.*

Trong Túy-Kiều có câu rằng: Mùa xuân con én đưa thoi, thiều quan chín chục dự ngoài sáu mươi. Mùa xuân qua mau thắm thoát như én liệng thoi đưa. (Thoi đưa là cái thoi dệt vải quăng qua quăng lại mau lắm).

Trong một năm chia ra làm bốn mùa, mỗi mùa ba tháng. Bốn mùa là: Xuân, Hạ hay là Hè, Thu, Đông.

Mùa Xuân là: Tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba.

Mùa Hạ, (hè): Tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu.

Mùa Thu là: Tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín.

Mùa Đông là: Tháng Mười, tháng Mười một, tháng Chạp.

Một mùa là ba tháng, một tháng là ba mươi ngày, vậy trong một mùa là ba tháng đó là chín mươi ngày, gọi là: Thiều quan chín chục. Còn dư ngoài sáu mươi; là mùa Xuân đã qua rồi hai tháng gọi là dự ngoài sáu mươi. Còn lại một tháng là đầu tháng ba, đó là tiết Thanh-minh.

8. — *Tiết Thanh-minh, tảo mộ.*

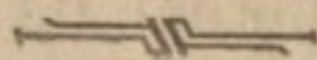
Tiết Thanh-minh, người Thanh-khách dùng nhiều hơn là người Annam. Ngày mồng ba tháng ba, chánh là ngày Thanh-minh ngày ấy người người đều đi viếng mồ mã, người thì đem trầu rượu nhang đèn, người thì đem rượu thịt, tùy ý người, đem các món đồ cúng ra tới mộ bày ra mà cúng, làm cỗ mộ sạch sẽ, ai ai cũng đều động lòng nhớ linh xưa mà than khóc.

Trong thế sự noi theo mà làm, nhưng mà xưa thật là cuộc bi ai, mà nay xem ra như cuộc vui chơi, là vì bày đồ ra cúng rồi, thì ăn uống trò chuyện vui cười: cuộc ăn Thanh-minh này, bày ra là đời nhà Tấn.

Nguyên tích xưa vua Tấn-văn-Công bị việc phế lập mà phải trốn đi ẩn mặt trong rừng núi, khi trốn đi thì có năm người đi theo mà giúp đỡ, trốn đi núi kia sang rừng nọ, phải đói khát. Trong năm người đi theo vua, có một người tên là Giá-tử-Thôi, người này thật là một người lòng ỡ tận trung; thấy vua mình nhịn đói, thì cắt thịt cánh tay mình mà nướng cho vua ăn đỡ đói. Sau lần lần lo khôi phục đặng.

Tấn-văn-Công làm vua bèn phong hầu cho bốn người kia : còn Giá-tử-Thôi là công cả mà vua lại quên phứt đi. Thương thay cho Giá-tử-Thôi hữu công vô danh, bèn than trách phận mình, làm người sanh bất phùng thời. Chẳng hờn trách ai, một trách thời vận, lấy làm hồ người. Bèn vội vả bỏ xứ mà đi vào hòn Miêng-thượng-sơn mà ở, nhứt nguyện ở trọn đời nơi đó. Bốn người kia thấy vua không phong hầu cho Giá-tử-Thôi, thì lấy làm tức mình. Bèn bày ra một bài ca, dạy con nít nó học thuộc lòng, ban đêm nó ca, bài ca như vậy : « *Hữu long kiều kiều, khoanh thất kỳ sở, ngũ xà tùng chi, châu lưu thiên-hạ, long cơ pháp thực xà, các cổ, long phản du huyên, đất kỳ nhượng thổ, tít xà nhập huyết, giai hữu xứ sở, nhứt xà vô thực, hào vu trung dã. (Có rồng hăm hăm, xây mất chỗ ở, năm rắn đi theo khắp cùng thiên-hạ, rồng đói thiếu ăn, một rắn cắn tay, rồng trở về nước đặng thừa bờ cõi, bốn rắn vào hang đều có chỗ ở, một rắn không lộc ăn, khóc nơi giữa đồng.)* »

Bài ca đó, ban đêm con nít nó ca om sòm ; vua Tấn-văn-Công, năm nghe bèn nhớ lại Giá-tử-Thôi là người công cả, mà mình quên đi, thì lấy làm phi ngãi. Sáng ngày lâm triều hỏi việc Giá-tử-Thôi, các quan tâu rằng : « Người đã vào ở trong núi. » Vua mau mau ngự bút tả chiếu sai người đi tầm rước ba phen, mà Tử-Thôi hồ mình không chịu ra, cứ trốn trong rừng, vua bèn ngự giá tới chốn Giá-tử-Thôi trốn, truyền quân vây phủ xung quanh hòn Miêng-thượng, lại dạy quân lấy lửa mà đốt, là có ý nhát cho Tử-Thôi sợ cháy mà chạy ra. Ai ngờ Tử-Thôi chánh khí (Thọ tử bất ninh thọ nhục) khi lửa cháy đến thì ôm riết cây mà chịu cháy thiêu. Chánh là ngày mồng ba tháng ba, lửa cháy hết cả hòn Miêng-thượng mà không thấy Tử-Thôi chạy ra, vua dạy quân tầm kiếm thì thấy Tử-Thôi đã bị cháy thiêu, vua Tấn-văn-Công, thương tiếc vô cùng, bèn truyền chỉ từ đó về sau, lấy cả thể ruộng xung quanh chơn núi mà phụng tự Giá-tử-Thôi, cấp người ở gìn giữ việc nhang đèn tứ thời hương quả bất tuyệt, lại tới ngày mồng ba tháng ba thì vua truyền cấm lửa ba ngày phải ăn đồ nguội, gọi là hàng thực, có câu ca như vậy : « *Bếp như tờ nhà nhà ăn nguội, nói lại ngừng một nỗi Tử-Thôi.* »



9. - Ngày mồng năm tháng năm (Đoan-ngũ, trùng-ngũ, đoan-dương).

Trong tục lệ dùng ăn lễ mồng năm tháng năm, sánh cũng như ngày tết thứ nhì vậy. Lễ mồng năm tháng năm bày ra từ đời vua Nãi-vương (Sở-hoài-vương) ông vua này không thèm nghe lời tôi trung-thần, cứ nghe lời theo phe nịnh là Trịnh-Thần với Trương-Nghị, bởi vua không nghe lời tôi trung, nên trong nước sanh ra đều bất lợi, đánh giặc không lại Tần phải hàng đầu, và dung hết 36 ấp cho Tần.

Sách Ấu-học-tâm-nguyên nói : Nước Sở-hoài-vương, có một ông quan đại-thần tên là Điều-khuất-Nguyên, là người đồng tôn với vua, ông này làm quan Đại-phu tại đất Tam-lư, lòng ông thật là trung quân ái quốc, ông hằng thương vua tiết nước, ngày ngày bằng lo kiếm lời lành êm thuận mà gián vua, dầu ông nói văn nào mặc lòng vua cũng không thèm nghe, vua cứ nghe lời lũ nịnh mà thôi, vua lại thêm tung trọng, bọn nịnh càng thêm lừng lẫy, Khuất-Nguyên lấy làm tức mình quá, bèn luận tri làm ra một cuốn sách gọi là (Ly-tao-kinh) (sách ấy nói chuyện thương vua tiết nước), ông làm sách rồi đem dâng cho vua xem, vua biết ý ông ấy vua không xem sách ly-tao, lại hạ chỉ sai ông ra xứ Trường-sa Giang-nam, làm Thái-thú nơi xứ đó. Thương thay ông Khuất-Nguyên ra tới xứ Giang-nam, thì ngày ngày buồn rầu quá sức, ông cứ đi thơ thẩn theo mé sông Tương mà ngâm các bài thơ của ông, ngâm hết các bài thơ rồi thì là nhằm ngày mồng năm tháng năm, ông bèn nhảy xuống sông Tương mà chết. Người nước Sở, ai ai đều thương mến, rủ nhau lấy ghe đi vớt thây ông. Sau một ít lâu ông có hiển linh cho người xứ ấy, bởi sự hiển linh nên người người xứ ấy, hễ đến ngày mồng năm tháng năm, thì người đều làm đồ đựng đồ đem xuống mé sông Tương mà cúng ông, có người lại làm ghe có hình rồng chèo đua nơi sông Tương gọi là vớt hồn Tương (ấy là làm việc vớt cho ông Điều-khuất-Nguyên) người đem những đồ xuống sông mà cúng, van vái chưa xong thì cá tôm nó là ăn hết. Đời Võ-đế, có người Âu-Hồi, xưng mình là quan Đại-phu đất Tam-lư, bèn nói cùng chúng dân rằng : Sau đây có cúng thì bây phải gói thứ bánh cho có góc khéo, như hình trái ấu gọi là bánh ú rồi lấy chỉ ngũ sắc mà buộc, tôm cá nó thấy rằng rứt, có góc

khoé thì nó không dám lại mà ăn hỏn như mọi khi, những chỉ ngủ sắc cột bánh đó thì người lấy mà cột tay cho con nít gọi là (mang phũ) tục lệ cứ đó mà làm theo hễ tới ngày mồng năm thì mua bánh ú ấu mà cúng.

Thế tục thường thường hễ trưa bữa mồng năm thì người ta hay đi bẻ các thứ lá, hoặc là uống hoặc là nấu mà tắm gội, lá uống thì gọi là (ngộ thì trà) lại có người bẻ lá treo cả chùm nhông nhánh nơi cửa nhà để mà trừ ma ếm quỷ ngăn ngừa ôn dịch, cũng có người lấy năm sắt chỉ cột tay để mà trừ ma quỷ cho nó không dám nhập vô mình.

Sách đại thành nói : Đoan ngũ nhật tích hạ quân ấn sơ thể phiến ngày đoan ngũ ấy thuở xưa nhờ ơn vua ban một cây quạt. Xưa vua Tấn cầm tay người Viên-Hoảng là quan Thái-thú nơi Đông-quận, vua trao cho một cây quạt, người Viên-Hoảng xin vưng theo ý vua, đem quạt ra mà quạt gió nhân cửa vua cho chúng dân nhờ. (Ngày mồng năm các quan cũng làm sơ chúc thọ cho vua gọi là Trung-thiên-tiết).

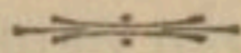
*
10. — *Trung thu, rằm tháng tám.*

Ăn trung thu ; tích cúng trung thu bày ra đời Hán, Quan-võ Lưu-Tú cuộc cúng trung thu, người khách dùng nhiều hơn người Annam. Chánh sự cúng là, trái bưởi với củ khoai môn, người khách hay làm bánh gọi là : (Trung thu nguyệt bĩnh) đem mà cho nhau. Sự cúng khoai môn với bưởi là có tích như vậy : Đời Hán Quan-võ tên là Lưu-Tú, khi chưa tước vị thì phải đi chinh chiến nhiều trận với người Vương-Mãng, có một lần kia Quan-võ bị vây, trong thành quân lính hết lương phải đói khát, người mệt sức yếu cầm thương lên ngựa không dặng, không còn sức mà phá vây. Quan-võ thấy mình thế cùng sức mỏng thì lấy làm lo buồn lắm, ngồi nằm không yên dặng, bèn vọng bàn ra giữa trời mà van vái : Như lòng trời cho dòng Lưu phục quốc mà trừ diệt gian thần thì xin giúp cho quân lính có vật chi mà ăn cho có sức mạnh mà phá vây. Bấy lòng trời không cho khôi phục thì xin cho chết hết cả thành. Nội trong đêm ấy đất trong thành mọc lên nhiều củ khoai môn, quân lính đào lên nấu ăn no đủ, mà ăn nhiều quá thì nó hóa ra bệnh sinh bụng, người người đều than van, Quan-võ thấy quân lính mình bị bệnh như vậy, thì lại vọng bàn mà van vái nữa xin trời cho món chi mà trừ bệnh sinh bụng ; trời cho trong

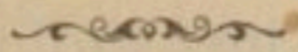
thành mọc lên nhiều cây bưởi có trái, quân lính bẻ mà ăn, thì nó tiêu nó hạ, làm cho hết bệnh sinh bụng. (Trong lúc vua vái van đó chánh là đêm rằm tháng tám, giữa mùa thu gọi là trung-thu) (Thế sự noi theo tích ấy mà cúng khoai môn với bưởi thì trúng cách, mà cúng vật khác thì không nhằm cách.) Quân lính ăn khoai môn quen no đủ lần lần có sức mạnh, đồng lòng phá vây mà ra đặng.

Vi làm sao Quan-võ vái xin sự chi thì ra đặng như vậy? Bởi vì Quan-võ là chánh vi vương.

Trong truyện đời Tùy, Tam-quốc, Tống, trong sử đời nhà Nguyễn, có nhiều chuyện cũng lạ như vậy. Đời Tùy, hồi Giáo-Kiểm xưng Hồn-thế-ma-vương tam niên. Cột cờ ngã mà Giáo vái rồi cột cờ đứng dậy, cửa đá đóng cứng mà y vái rồi cũng mở ra. Đời Tam-quốc hồi Lư-Bị qua Ngô cầu hôn, ra chơi nơi trú-mã-ba, Lư-Bị vái thăm rồi chém đá ra máu. Đời Tống, Triệu-khuôn-Dẫn, có nhiều sự lạ lắm. Đời nhà Nguyễn vua Gia-Long, phục quốc, đã nhiều trận chinh chiến với Tây-sơn, có một lần kia vua bị Tây-sơn vây ngoài biển, vua trương buồm theo gió chạy miết bảy đêm ngày, trong thoàn hết nước uống lấy làm khát khao lắm, vua lấy làm đau lòng xót dạ, bèn ngược mặt lên trời mà vái rằng: Như trời cho nhà Nguyễn khôi phục thì xin cho thuyền tấp vào nơi nào mà kiếm nước uống, bằng chẳng cho thì xin cho chìm thoàn này mà chết cả chúa tôi. Vái vừa rồi ngó bên thoàn có vận xoáy theo mà nước màu trắng bạc, vua truyền múc uống thì nước ngọt, hô lên người trong thuyền múc đầy lu mái, hễ chánh vi vương thì là làm vậy, nói đâu có đó. Ấy là cổ tích cứ theo truyện sử mà nói, giã chơn nang biện.



11. — Trùng-cửu, chín trùng chín.



Ăn Trùng-cửu là ngày mồng chín tháng chín. Có câu nói rằng: Trùng-cửu đản cao, hiệu Hoàn-cảnh chi tị tai.

Trong Đường thì có câu nói: Giang hàm thu sắc nhận sơ phi, giữ khách huề hồ thượng Túy-vi. Hơi nước sông ngậm khí sắc mùa thu, chim nhận đã bay lần về Nam tìm chốn ấm, đến ngày Trùng-cửu anh em rủ nhau đeo hồ rượu lên núi Túy-vi mà chơi giải buồn.

Thuở xưa ngày Trùng-cửu hay mắc nhiều sự tai hại, hoặc bị nước dưng ngập nhà, hoặc bị dông tố bão bùng, hoặc bị trận gió độc, mà phải mang bệnh thương phong mà chết. Bởi có đó nên đến ngày Trùng-cửu người người rủ nhau vô núi rừng mà chơi cả ngày là cố ý lánh sự tai hại, đó là bắc chước theo tích người Hoàn-Cảnh.

Xưa ông Bi-trường-Phòng, là thầy của người Hoàn-Cảnh. Ông thầy này, toán quẻ âm-dương xem số mạng rất hay. Ngày kia thấy Bi-trường-Phòng toán quẻ âm-dương, xem số mạng người Hoàn-Cảnh mà nói rằng: Ngày mồng chín tháng chín thì nhà người phải bị tai nạn mà chết. Vậy nhà người phải mau trở về nhà, bão cả nhà người phải sắm sửa đồ ăn uống trong một ngày, phải lấy thuốc Châu-du mà buộc vào cánh, phải đem rượu cút theo mà dùng, rồi cả nhà phải đi vào rừng núi mà ẩn, đến tối sẽ về nhà, thì mới lánh khỏi sự tai hại.

Hoàn-Cảnh vâng y theo lời thầy dạy. Đến tối trở về nhà thì thấy thú vật đều bị chết. Hoàn-Cảnh vội vã chạy tới thưa lại cho thầy rõ. Thầy Bi-trường-Phòng nói thú vật nó chết, đó là chết thể mạng cho cả nhà của người.

Cổ tích nói như vậy, mà xét lẽ ra cũng có, là có ý nhớ và xem trong xứ ta, hề năm nào mà có bệnh thiên thời nhiều, hề hao người thì không hao vật, mà có chỗ lại hao vật mà không đến hại người.

12. — *Tảo, Tần.* — *Lời tục nói mua tảo bán tần.*

Lời tục hay dùng tiếng tảo tần, nhưt là mấy chị mấy cô, có giận chồng thì hay kể rằng: Tao lo buôn tảo bán tần; lời nói như vậy mà tưởng lại có khi quấy có khi phải; trong Kinh thi nói: Vu dĩ thể tần nam gian chi tâm, vu dĩ thể tảo vu lữ hành bạo. Đi hái rau tần nơi mé khe kia, hái rau tảo nơi mé mương nọ.

Đờn-bà đời xưa, thật là hay lo lẫn nuôi chồng ăn học, nhà bản chật thốn thiếu, thì sớm chạy nơi mé khe kia mà kiếm từ lá rau tảo, chiều đi mé mương nọ mà tìm từ lá rau tần, đem về bán mua gạo, lo từ bữa ăn cho chồng. Ấy là mấy bà xưa như vậy, còn mấy bà nay, thì không biết là làm sao?

Xưa có người tên là Trần-thế-Mỹ, nhà nghèo thốn thiếu mà người vợ lo hái rau bắt ốc bán mà nuôi chồng ăn học cho thành công, trông cậy hưởng chung sự vinh hoa với nhau.

May vừa gặp hội thi : Trần-thế-Mỹ xuống thi, may dặng đồ Trạng-nguơn. Vua phán hỏi lân Trạng là có nơi tơ tóc chưa. Thế-Mỹ nói rằng không có vợ. Vua liền gả Công-chúa cho. Thế-Mỹ dặng làm rề vua vinh vang lắm ; không tưởng vợ cũng chẳng nhớ con ở nhà.

Thương thay cho người vợ Thế-Mỹ ở nhà đêm ngày cầu khẩn, vang vái, cho chồng mình thi cho đậu dặng chung hươg vinh hoa cùng nhau. Người vợ càng trông càng bất tin tức ; lấy làm lo buồn lắm, bèn tính bồng con xuống kinh thành mà tìm chồng, đến nơi kinh thành hỏi dặng tin người nói rằng : Trần-thế-Mỹ dả thi đồ trạng, người xưng rằng người không có vợ, nên vua gả Công-chúa cho lấy làm sang trọng vinh vang lắm, vợ hỏi thăm vào dinh, gặp mà Trần-thế-Mỹ không thềm nhìn, đuổi mẹ con ra khỏi dinh. Thương thay mẹ con ngư ngáo đem nhau đi về con khóc mẹ than lấy làm thảm thiết. Thời may gặp ông Bao-Công đi chân bần trở về, ông liết xem mẹ con bộ bi ai, thì ông nghi trong lòng rằng : Có khi ai làm đều oan ức nên mẹ con người đờn bà này buồn thảm như vậy. Bao-Công sai quân dòi mẹ con đến, ông hỏi đầu đuôi ; ông Bao-Công lấy viết mực biên tên họ xứ sở xóm làng, rồi ông lấy tiền bạc mà cho, biểu phải hết lòng nuôi con ăn học cho thành thân sau sẽ hay, mẹ con lạy tạ cảm đội ơn cao quan lòng nhưn từ quảng đại.

Mẹ con đem nhau về giữa đàng bị trời tối, mẹ con đem nhau vô đình miếu mà đờ nhờ một đêm sáng sẽ về. Ban đêm có tiên hiện đến mà dạy thẳng nhỏ nghề văn nghiệp võ rất nên là giới không ai dám bì, sáng ngày mẹ con đem nhau về hãm hút gần lòng nuôi con ăn học, ngày lụn tháng qua mau thắm thoát. Năm ấy có mở hội khoa thi, mẹ bèn đem con xuống thi, tên học trò nhỏ này làm bài võ đề tên họ, lại đề tên cha mẹ nữa, làng tổng cũng y kỳ chánh là con trai của Thế-Mỹ. Bao-Công xem bài võ rõ ràng rồi lấy có đó mà xử tội Trần-thế-Mỹ. Bao-Công làm sớ tâu vua xin nghiệm tội Trần-thế-Mỹ, phạm tội lỗi tam-can, rất đồi là đạo nghĩa vợ chồng trong cơn nghèo, khó nhọc cùng nhau mà va còn chẳng nghĩ huốn chi là nghĩa tôi chúa, thì va ra thế nào. Đức vua xét tội va đáng chém mà răn người phi ngải, vợ con lạy khóc xin hết sức mới khỏi chết mà phải giáng chức theo hàng thất bát phẩm.

13. — *Giả đại qua ãi.*

Lời tục hay nói rằng : Giả đại qua ãi, là chỉ chặt mình không phải là đại, mà rủi mắc sự chi khốn nạn, hoặc bị ai có quyền làm mình phải khốn nạn, hoặc bị nơi dữ lý, hoặc bị lũ hung hoan muốn làm bứt. Thì mình phải luận trí giả ngu giả đại mà lánh cho khỏi nơi khốn nạn, giả diên đại trong một giây phút mà nên công chuyện thì cũng là hay.

Xưa ông Mạnh-thường-Quân, là một vị nhà giàu, vốn thật là người lòng dạ rộng rãi lắm, trong nhà hay nuôi mấy người yên hùng thất vận, nuôi đủ các sắc người, mà những người ông nuôi trong nhà thì người nào cũng có tài riêng. Có một khi kia ông bị tội trọng, nên ông tìm đến một người vợ yêu của vua, dặng lo cho mình khỏi tội, bà vợ vua nói lại cùng Mạnh-thường-Quân rằng : Nếu ta có cái áo cầu, là áo rất quý báu của vua Tần đã cho vua, nếu dặng vật ấy ta đem dưng vua mà xin tội đó mới khỏi. Mạnh-thường-Quân nghe nói bèn nói rằng : Điều ấy tôi xin vưng, tôi sẽ đem áo mà dưng cho bà.

Mạnh-thường-Quân về nhà bèn hội đủ mặt mấy người của ông nuôi mà bàn luận về việc áo ấy. Có một người ra xin chịu đi ăn cắp áo ấy đem về cho, vốn người này có tài giả ra hình như con chó vậy, người giả hình như chó chung vào lỗ nhỏ, quân canh lầm ngỡ là chó nên chẳng nói đến; con chó này lần lần đi vào tới chỗ để áo bèn lấy vắn vào mình đem về, ông Mạnh-thường-Quân đem dưng cho bà nọ dặng mà lo công việc, trong một ít ngày việc ấy lậu ra ; nên Mạnh-thường-Quân cùng cả bọn đều phải trốn, mà ban đêm cửa ải đóng chặt đi ra không dặng. Trong bọn có một người có tài làm gà gáy giống in như tiếng gà khi ấy còn đang canh khuya mà gà gáy thúc hoài rồi lại gáy tan canh, quân canh nghe ngỡ là sáng rồi bèn mở cửa ãi ra cả bọn đều qua khỏi ải. Ấy đó trong cơn khốn nạn thì phải giả đại ra loài cầm thú cũng chẳng nại chi miệng là dặng thoát thân thì thôi.

14. — *Hai bên vai vác, cũng gọi là : Tả mạng thần quan, hữu mạng thần quan.*

Trong thế sự thường thường có giận hờn chi chi thì hay thề hay kêu tả hữu thần quan chứng cho mình sự ngay gian.

Vốn là thần ở trong mình mình, khi có thời thì giục làm sự phải, còn khi hết thời si vi thì giục sự hại, giục làm buồn rầu, hoặc giục mình phải hại mình, nó cứ theo mình mà xuôi giục, mình có bản tính sự chi thì nó là biết trước.

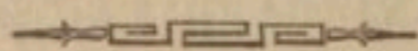
Xưa vua nước Tấn đau bệnh nặng, vua Tần sai ông lương-y hạng nhất tên là Y-Huấn đến mà chẩn mạch, ông lương-y vung lệnh mà đi chưa đến. Bên này vua Tấn nằm mê mang nghe tiếng hai người nói và than thở cùng nhau rằng: Hai ta phải lo lắng mà trốn nơi nào kẻo phải bị hại, mai chiều chi đây thì Y-Huấn sẽ đến mà làm hại cho hai ta: vậy phải kiếm nội mình chỗ nào hiểm nghèo mà trốn đầu cho nó biết mà chẳng làm chi đặng thì mới là khỏi tay nó, xét nội mình có một chỗ cao hoan là hiểm mà thôi vậy hai ta đến đó mà trốn.

Bàn luận vừa xong, kể ông Y-Huấn đến, vào chẩn mạch cho vua. Chẩn mạch rồi ông nói rằng: Muôn tâu, bệnh Bệ-hạ rất trọng mà nay bệnh đã nhập cao hoan rồi. Chỗ đó là chỗ rất hiểm trong châu thân, thuốc chạy không đến lấy làm khó trị, có một phép châm cứu (là đốt) họa may trị đặng. Trong sách thuốc Thọ-thế kêu là: (Nhị thụ) đó là hai bên vai vát hay là tả hữu thần quan. Thời hưng thì giục chuyện hay chuyện phải, thời si thì giục chuyện quấy chuyện hại.

15. - *Bồng-lai. Non Bồng-lai: Cỏi thọ.*

Non Bồng-lai là chỗ tiên ở. Trong Tứ-đại-kỳ-thơ nói: Người Ấn-Quy, là người coi thiên văn hay lắm. Một đêm kia người ra xem thiên văn mà nói rằng: Có một vùng sao (quần tinh) đều vùn nhóm nơi đất Dĩnh-châu; nơi xứ ấy có nhiều tiên hoặc có người hiền sĩ. Sách Cổ-văn-loại-tự nói: Tiên thì nơi ở cỏi thọ. Cỏi thọ là cỏi người ở đó sống đời đời không chết cũng không già. Người rất thanh thoi, chẳng lo chi cả, chẳng hề có sự chi xây đến. Có câu nói rằng: « Bất hoan khai thọ vực, nhưt khí chuyển hồng cầu ». Thường thiên-hạ hay nói bên nước Tố-nữ, mà không biết Tố-nữ là ở đâu. Trong thơ Tam-nương có nói rằng: Tô-châu, định chắc là đất Dĩnh-châu là cảnh tiên là phải, vì ở đó có nhiều ông hiền lắm. Như Đức-Tháo, Khổng-Minh, Từ-Thứ, Phụng-Sồ, Tồi-châu-Bình, Mạnh-công-Hoai vân vân, đó là (quần tinh) y như lời người Ấn-Quy nói.

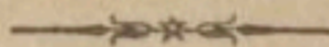
16. — *Con Bướm-bướm (Hồ-diệp).*



Tích xưa nói rằng: Ông Trang-Sanh một đêm kia đang ngủ ngon giấc, chiêm-bao, thấy ông hóa ra con bướm-bướm, ông lấy làm sợ giựt mình thức dậy mà nói rằng: Tôi chiêm-bao thấy rõ ràng tôi hóa ra con bướm-bướm mà tôi không chắc là tôi hóa ra con bướm hay là con bướm hóa ra tôi; có câu nói rằng: Trang-Châu mộng thần hóa vi hồ-diệp. (Tĩnh-viết) bất tri Trang-Châu giả: ấy vậy trong việc chiêm-bao thường hay sai lầm cho nên lời tục nói rằng: Chiêm-bao mộng寐, mà cũng có khi thiệt, như thế đời Đường Lý-thái-Dân, chiêm-bao thấy đi chơi Phụng-hoàng-sang thì sau cũng y như vậy.



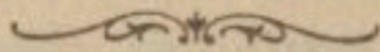
17. — *Tò thợ may.*



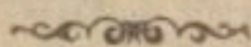
Trong sách Thơ-ngôn cổ sự nói: Nàng Chức-nữ là tô về sự nữ công, (thêu tiêu vá may), vậy nên thường thường tới ngày mồng bảy tháng bảy thì mấy bà cùng mấy chị thợ may, vụng bàn ra mà van vái cùng nàng Chức-nữ, xin cho mình đặng thông minh khôn khéo về việc nữ công.

Lấy nhiều thứ giễ hàng kết lại, rồi xăm bảy lò đem giễ hàng đó để trên bàn, để chung với các món đồ cúng, đoạn thắp đèn, nhang, xúm nhau mà cầu nguyện cùng nàng Chức-nữ.

Vái lạy một hồi lâu, như có con nhện nhện rơi xuống mà giăng chỉ qua mấy món đồ cúng trên bàn đó, thì mấy chị tin chắc là nàng Chức-nữ đã nhậm lễ.



18. — *Cột tay, kết làm anh em, người Thổ kêu là (Chơn đay).*



Tích cột tay, người dân Thổ dùng nhiều hơn là người Annam; trong sách Thiên-nguyệt lĩnh nói: Đời nhà Hán, có bà Thích-phu-nhơn, dắc mấy cô hầu đều đem nhau lên lầu bá-tử mà hầu vua, mấy bà lấy chỉ mà cột tay, chỉ dẫu là thương yêu hòa thuật cùng nhau đời đời.

Người dân Thổ thường hay dùng cột tay với người Nam,

làm anh em, hoặc người Thổ cột tay với người Thổ, (đờn ông cột tay với đờn ông thì gọi là làm trơ), (đờn bà cột tay với đờn bà thì gọi là làm rặt, phép làm trơ rặt), cũng ngộ. Người Nam cột tay với người Thổ, hai đảng đều có cho nhau vật kia món nọ đồng giá. Còn người Thổ cột tay với người Thổ cũng vậy, song về việc đám cưới thì khác, là khi xong việc cưới hỏi rồi thì đến viển cô bác, thì cô bác cho vật chi chi đó cũng như phép người Nam, vợ chồng đem nhau đi lạy cô bác.

19. — *Hoa giắc dầu.*

Thường thấy mấy cô lâu xanh rước khách, hay lấy hoa sứ mà giắc nơi đầu tóc, cũng có người không phải rước khách mà cũng giắc hoa sứ như vậy. Nguyên tích xưa, đời Hán Võ-đế, có bà Công-chúa Thọ-đường, có cất dinh riêng để hóng mát chơi, xung quanh dinh trồng tinh những hoa thơm tho xinh tốt lắm, có một ngày kia bà Công-chúa nằm chơi gió hiêu hiêu mát, phút đầu có một cái hoa-mai bay đến rớt trên trảng, hoa-mai dính cứng trên trảng phải không rớt.

Từ khi hoa-mai dính nơi trảng về sau, thì bà Công-chúa càng ngày càng xinh tốt đẹp đẽ lắm, hình bóng xem tựa như tiên. Bởi đó nên tục bắt chước mà giắc hoa trên đầu, mà xem lại bây giờ giắc hoa trên đầu là có ý cho bay muối thơm tho mà thôi, chứ không có ý trông sự xinh đẹp.

20. — *Nhơn vật giữ đồng.*

Lời tục xưa nay thường hay nói rằng : Nhơn vật giữ đồng lời nói như vậy cũng lấy làm khó hiểu, vì là người với vật thì là hai loài khác nhau xa mà sao lại gọi là giữ đồng ?

Gọi là giữ đồng Nhơn vật là như vậy : Sách Tống-ly nói : Hồng quần là lò tạo hóa của trời để mà đúc nên người nên vật. Trong cõi phàm thế bất kỳ là người là vật cũng bởi một cái lò đó mà đúc ra nên gọi là đồng, là bởi cũng một lò đó mà hóa sanh ra, người vật cũng đồng sanh hóa cũng bởi một lò tạo hóa mà sinh ra nên gọi là giữ đồng. Sách Hán-thơ nói : Lò tạo hóa đúc nên người nên vật bởi nhờ khi âm dương mới thành dạng. Sách Trung-dung nói ; Âm



dương sanh vật khí di thành hình, loài người cũng là vật phải có khí âm dương mới sanh hóa dạng ; ấy đó cắt nghĩa theo trí thấp thì như vậy, bằng có hiểu trí khác cao xa thì xin dạy lại.

—
21. — *Tiền cheo, heo khoán.*
—

Thường trong thế sự hề có cưới vợ lấy chồng, thì hay nói tiền cheo heo khoán. Xưa nay hề cưới vợ có tiền cheo heo khoán thì là sự chắc chắn lắm, là vì trong cuộc cưới hỏi có làng làm chứng chắc rằng : Chị nọ là vợ anh kia. Anh kia là chồng chị nọ.

Tục gọi là tiền cheo, thì là sai vốn là chiêu gọi là tiền chiêu thân. Phép xưa trong việc cưới hỏi ở khác làng, thì trước ngày nghinh thân phải đem ba quan tiền mà nộp cho làng và bày tỏ việc cưới hỏi, lại nói chắc ngày nào rước dâu đưa dâu, làng nhậm lễ đó làm chứng cho ; đến ngày rước đưa dâu thì bằng an không ai cản trở hỏi hang chi cả. Còn như đám nào mà không nộp tiền cho làng trước, đến ngày đưa rước thì có người làng cản lại hoặc đón đàng mà hỏi vụ cưới hỏi rồi cũng phải nộp ba quan tiền chiêu thân (tiền cheo).

Bây giờ tục cũng làm y như vậy, hề có cưới hỏi bất kỳ là một làng hay là khác làng đều có đem nạp tiền chiêu thân. Heo khoán là heo bỏ vào củi mà khiêng đi. Đám cưới nào có nộp tiền chiêu thân, có khiêng heo đó là đám cưới đủ phép gọi là lớn, bằng không có như vậy thì gọi là sơ sai âm thầm.

—
22. — *Ba chìm ba nổi, sáu linh đình.*
—

Lời tục xưa nay hay nói rằng : Ba chìm ba nổi, đó là chỉ thời vận không ra chi, mới làm ăn khá khá thì bị chuyện kia việc nọ, qua năm khác thì cũng vậy, cứ làm như vậy đôi ba phen, hề khá rồi thì nghèo, nên gọi là chìm nổi, rồi hết sức chìm nổi thì cứ làm đủ ăn sụt sùi hoài năm sáu phen nên gọi là linh đình.

Lời nói đó là nói vụ làm tương Quảng-bình, thế sự lấy lời đó mà ví, mà nói theo cuộc làm tương thì như vậy ; Ban đầu hết, meo nếp ủ rải ba bữa, ran đậu bỏ vào ngâm

đó, đậu nó sinh nó nổi lên chìm xuống ba lần, rồi sau nó nổi lơ lơ giữa đó, (ấy là chìm nổi với linh đình) rồi phân ra bề chín phần tương thì hai phần muối, thì tương nó ngọt rõ ràng, việc làm đó thì là mất công lắm, song cũng phải ráng mà làm cho nên việc, cũng như người ở đời muốn có tiền bạc nhiều thì phải ráng công ra sức mà làm phải khó nhọc cực khổ mới đặng.

23. — *An sàng, Tế ngu (lời tục nói ăn sàng tái ngu).*

Trong thế sự thường thường hay nói trại hay đổi cách. Khi đám chết người ta đưa quan cữu tới phần mộ rồi thì chủ nhà vâng linh xa trở về vừa đi vừa khóc (vong hồn nhi khóc) gọi là Phấn-khốc, về tới nhà làm lễ an sàng, lời tục kêu là ăn sàng thì sai, chánh chữ là an sàng mới đúng. Còn tế ngu, vốn là khi người chết thì hồn bay xiêu lạc, nên phải tế luôn ba độ mà chiêu hồn về, ba độ là: Sơn-ngu, Tái-ngu, Tam-ngu. Người thế sự muốn nói sao thì nói dầu quấy phải mặc lòng không ai dám sửa ai, nói sao hay vậy.

24. — *Kị cơm, giò, quải.*

Người chết chôn rồi, từ ngày chết cho đến khi mảng tang, thì không có giò quải chi cả, cứ cúng cơm bữa, với làm tuần thất nhựt bảy bữa; phụ tế là hai mươi mốt bữa; bá nhựt là một trăm ngày. Tiểu-tường là mười ba tháng; đại-tường là hai mươi lăm tháng.

Từ mảng tang về sau, hễ tới ngày tiên như chết thì phải lo việc, kị cơm, giò, quải cơm, trong việc kị cơm có ba bữa. Tiên-thường là ngày khi cha mẹ hấp hối, chánh giò là ngày cha mẹ chết, hậu-thường là ngày sau hết ngày đưa linh cữu đi. Cuộc quải cơm là có ý nhớ công ơn cha mẹ khó nhọc, mình đạo làm con ơn thâm nghĩa trọng đền chưa phĩ dạ hiếu thảo chưa tròn, vậy nên tới ngày giò quải là cho thỏa lòng thương, cho tròn hiếu thảo, tưởng sự vong như sự tồn. Trong sách lễ có câu nói rằng: Quân-tử hữu chung thân chi tang, kỳ kị nhựt chi vị dư.

Thấy người xưa có tang thì là cử chín lắm, mà nay xem ra kỹ hơn: khăn chế dặc trắng mà lại hồ dương rồi xếp làm tám vắt ngang qua cổ mà đi hoặc là bình, thật xem rất đẹp

lắm, nếu chẳng tin lời nói đây xin hãy xem, khăn chế bịch một năm mà còn trắng tinh hơn là khăn mới, xét mà coi có phải là sự gìn giữ kĩ càng chăng?

25. — *Tam-qui, ngũ-giải.*

Phép đi vào chùa mà tu theo đạo Thích-ca (đạo phật hệ vào chỗ tu thì phải, tam-qui, ngũ-giải; tam-qui là qui y phật; qui y pháp; qui y tăng; đó gọi là tam-qui, còn ngũ-giải là: Sát-sanh, âm-tửu, tà-dâm, gian-đạo, khi-trá, đó là ngũ-giải cấm, làm thầy thì phải giữ các điều đó, thầy chùa đời xưa thì như vậy, còn mấy ông thầy đời nay, tưởng có khi là làm kỹ càng hơn, vì là ngũ-giải cấm thì là giữ trọn như thể đi làm đám buồn đi vào tiệm hút chơi trong ngũ-giải không có cấm hút, không cấm nuốt, làm sao thì làm chẳng phạm ngũ-giải cấm thì không lỗi chi.

26. — *Ba-sanh hương hỏa.*

Ba-sanh hương hỏa, có nhiều chỗ nói mà tưởng lại khó tin khó hiểu; trong sách Quần-học chú nói: Xưa có người tên là Tĩnh-Long, ngày kia đi dạo chơi, ghé vô chùa Nam-huệ-tự nằm nghỉ, ngũ quên nằm chiêm-bao, thấy mình đi xuống hang đá gặp một ông già chỉ cây nhan đang cháy mà nói rằng: Cây nhan này là nhan của người Đoàn-việt, đi cúng nơi chùa mà khăn vái thấp cây nhan đây, nay cây nhan còn đang cháy mà người đã sanh dựng ba kiếp rồi:

Kiếp thứ nhất: Sanh ra đời Đường vua Huyền-tông, làm quan Phủ-sứ đất Kiêm-nam.

Kiếp thứ hai: Sanh ra đời Đường vua Hiếu-tông, làm chức Thơ-ký đất Tả-thục.

Kiếp thứ ba: Sanh ra là người Tĩnh-Lang.

Khi người Tĩnh-Lang nghe nói tới tên mình thì giật mình thức dậy, ngẫm nghĩ rằng nếu vậy thì mình đã sanh ra ba lần rồi mà chưa hết một cây nhan (nên kêu là tam-sanh hương-hỏa là đó). Luận: Làm con người ở thế gian, sự sanh tử mau như trở bàn tay, lại nghĩ rằng trong một cây nhan mà người Đoàn-việt sanh ra ba kiếp. Thật không biết hồi đó người Đoàn-việt làm cây nhan, khoanh mấy trăm mấy ngàn thước mà cháy lâu lắm bấy.

27. — *Tam bành lục-tặc.*

Trong thế sự thường thường hay dùng tiếng nói Tam-bành-lục-tặc, đó là chỉ nói mấy đũa nhỏ rần mắt, hay phá khuấy lục lạo, trong rương trong tủ, xốc xỗ sách vở, giấu đầu cũng kiếm cũng phá, thường mấy chị mấy bà hay dùng tiếng ấy mà nói với trẻ em, dùng tiếng ấy mà nói như vậy thì không nhằm lý. Có nhiều khi, chị kia bà nọ đi đâu khỏi để nhà cho trẻ nhỏ nó coi, hề con nít thì nó có tánh rần mắt, hề vắn người lớn, thì nó lục lạo trèo giàng leo gát kiếm đồ chơi, kiếm đặng món nào vừa ý thì đem ra giữa phanh phui ra chơi, mẹ cha về thấy nó bày nghinh ngang lục soạn đồ đạc, thì quơ roi đánh, nó khóc la van ; ông bà, cùng là cô bác chạy tới cang và hỏi làm sao mà đánh em hung vậy ? Mẹ nó nói rằng : Sớm mai biểu nó coi nhà dặng đi chợ, ở nhà nó rủ trẻ tới cả nhà nó Tam-bành-lục-tặc bày ra đầy nhà vô đó mà coi.

Nếu dùng tiếng đó mà nói vậy thì là sai đi.

Vốn thật Tam-bành-lục-tặc là như vậy ; Trong sách dạy việc tu tiên nói ; Có ba thần bành, nó ở trong mình mình mà ra, là : Bành-cứ, Bành-chất, Bành-kiêu ; ba thần đó nó ở trong mình hay giục làm chuyện bậy bạ quấy quá đặng mấy người tu tiên làm theo, rồi nó đi cáo với Ngọc-hoàng, làm cho mình không trọn công tu. Còn lục-tặc là sáu cái giặc trong mình nó cũng giục mình làm sự bậy mà phải bị hoạn nạn, vốn Tam-bành-lục-tặc là thần trong mình, hề thời mình hưng thịnh thì giục chuyện tốt chuyện rất hay, mà thời si thì giục chuyện bậy, chuyện quấy làm cho phải khốn nạn.

28. — *Mây mưa.*

Sự mây mưa, trong thế sự ai ai cũng nói rằng việc trời làm mà trong sách Bạch-mi-cổ-sự nói : Xưa vua nước Sở là Như-ông-vương, một ngày kia vua đi dạo chơi nơi đất Cao-đường, trưa trời nắng, vua vào nơi bóng cây nằm nghỉ mát, gió hiêu hiêu bèn ngủ quên, liền chiêm bao thấy một người nữ rất xinh tốt đẹp đẽ vô cùng, đến gần mà trò chuyện, vua hỏi : Chẳng hay khanh là ai ở đâu mà đến đây ? Người nữ trả lời rằng : Thiếp là thần nữ ở tại núi gọi là

Vu-phong-son, thường thường làm mây làm mưa ở nơi Dương-dải. Lấy theo cổ kiem mà luận. « Chi chi một vị phụ nữ mà làm nên cuộc mây mưa, như vậy thì việc trời với việc thế gian cũng như nhau hay sao ? Dầu đờn ông đờn bà mặc lòng hễ có quờn phép thì làm đặng, như việc thế gian thì đặng là như vậy ; Xưa đời Đường mụ Vô-hậu (Vô-tắc-thiên), cũng là trị thiên hạ, đời nay bên nước Hồng-mao cũng đờn bà làm chúa tể.

Ấy vậy việc thế gian thì ai có quờn đều làm đặng, còn việc mây mưa là việc trời vốn nơi khí âm dương mà sanh hóa hoặc tương xung tương khắc, hoặc nóng hoặc lạnh không vừa nhau nên sanh ra sự nọ, chớ như thần nữ làm đặng cuộc cả thế như vậy, thì cũng khó mà tin vì là không đủ cơ, song vậy mặc lòng mà có sách vở làm chứng.

29. — *Tâm sàu bạch phát (lời tục nói tam sàu bạch sát)*

Tai thường nghe thế sự hay nói ; Tam-sàu-bạch-sát xét ra lời nói đó không ăn nhập vào đâu, cũng không nghĩa lý chi cả. Thấy có nhiều chị sai con nít đi mua vật kia, món nọ, mà tánh con nít nó đang chơi vui mà sai đi đâu thì nó giận lắm, vùng vằng làm mặt giận hờn, thì mẹ nó nói khéo làm bộ mặt tam sàu bạch sát. Nói như vậy thì sai xa, thật nói chánh chữ là tâm-sàu-bạch-phát, trong lòng hay lo rầu thì tóc bạc mau lắm. Xưa đời Đông-châu-liệt-quốc, có người Ngũ-viên (Ngũ-tử-tư) cha bị nịnh sàm tấu mà chết, còn phận y cũng bị nịnh sai người tầm bắt, y kiếm đảng mà trốn nhưng mà đêm ngày cứ lo rầu hết sức, lo mưu này kế kia lo sao mà báo thù cho cha mình, lo rầu ăn ngũ không đặng, cặp chơn mày trở bạc mà lo chưa nên việc.

(Nói tâm-sàu-bạch-phát là phải, chớ nói tam-sàu-bạch-sát thì sai xa.)

30. — *Lồng đèn bằng giấy hoặc bằng vải.*

Xưa đời Đường vua Minh-hoàng, truyền ra đến ngày rằm tháng giêng, ban đêm, trong đèn vua cùng nội thành thắp đèn sáng rỡ, lấy giẻ hàng ngũ sắt kết lại có chùm rôi ngăn ra có căn có khoản thắp đèn đề vào xem rất đẹp mắt, trong thành mở cửa cho như dân vào xem, cuộc thắp đèn gọi là Hội-huê-dăng.

Sách đại-thành nói: Người Tô-vi-đạo, có làm câu thơ như vậy: *Hỏa thọ ngân hoa hiệp, tinh kiều thiết tỏa khai*, cây lửa với hoa bạc hiệp nhau, cầu sao chia khóa mở.

Đời ấy có người tên là Mao-Thuận, là thợ khéo lắm, bày ra lấy cái giẻ cắt phân ra, có từng có căn, làm lồng đèn, mà y làm một cái đèn thế hai mươi căn, mỗi căn là một ngọn đèn, căn nào cũng có vẽ với hình rồng, hình phụng, hoặc là hình tôm cá thú vật tùy ý thích mà làm.

Thuở xưa hễ đến rằm tháng giêng thì như dân rủ nhau đi kinh thành xem hội-huê-dăng, cũng như đời nay tới ngày 14 tháng bảy, kêu là lễ chánh-cung trong rằm kêu là lễ thắp đèn, đời sau noi theo đó mà làm các thứ lồng đèn giấy.

31. - Tô-vỏ chẵn trừu.

Có câu người ta hay hát quản bao Tô-vỏ chẵn trừu. Vốn thuở xưa ông Tữ-Khanh (Tô-vỏ) người là quan sứ của triều nhà Hán; trong lúc vua Hung-nô đang tranh biên cương với nhà Hán, vua Hán sai Tô-vỏ đi sứ bên nước Hung-nô, khi Tô-vỏ đi đến nơi vào bái mạng vua Hung-nô là Thuyền-Vu, vua xem hình dạng Tô-vỏ; rồi vua đòi người Lý-Lăng với Vệ-Thuật bảo hai người phải ra công mà dỗ cho Tô-vỏ đầu (Lý-Lăng với Vệ-Thuật nguyên là người ở Hán lạc lải qua ở làm tôi Hung-nô) hai người ra công khuyên dỗ, mà Tô-vỏ không nghe, cứ giữ lòng trung, dầu mà mắt còn chằng sá, vua Hung-nô thấy Tô-vỏ, cứng cỏi bền dạ bắt Tô-vỏ mà bỏ vào núi ba đêm ba ngày không cho ăn uống. Thương thay cho ông Tô-vỏ chịu đói khát khổ nạn, lại thêm mùa đông lạnh lẽo. Ban đêm Tô-vỏ lấy cây cờ của nhà Hán giữ theo mình, bèn giăng cờ ra giữa trời, mù sương sa xuống ướt đầm cây cờ, thì ông liếm nước mù sương trong cây cờ mà đỡ khát, lòng trời cũng thương người trung nghĩa, tuy là liếm nước mù sương như vậy mà cũng đỡ khát lại thêm khoẻ trong mình, ba ngày không ăn uống mà khí sắc không đổi.

Vua Hung-nô, thấy Tô-vỏ không chết cũng không đổi sắc-thì giận bắt dày đi chẵn dê chẵn trừu mười chín năm. Sau vua Hán giao hòa với Hung-nô, bèn sai sứ qua xin cho Tô-vỏ về; trong mười chín năm Tô-vỏ bị dày, mà lòng không dời đổi, cứ ôm giữ cây cờ của nhà Hán, cờ rách vải hết

còn cán không cũng còn giữ, ông Tô-vỏ theo quan sứ, về tới giữa trảo nhà Hán thì tay còn cầm cang cờ không. Thật người lòng sắt dạ đĩnh, trái gan phơi mặt mà phò vua, trong sử nhà Hán cũng có lời khen người.

—*—
32. — *Chiêm-bao (hóa nhi).*

Người phạm trong cõi thế gian, từ Thiên-tử chí ư thứ dân, ai ai cũng có năm chiêm-bao; mà việc chiêm-bao thì không chừng, thấy sự phải thì ít, mà thấy sự quấy sự bậy thì nhiều lắm. Trong sách thuốc nói: Chiêm-bao đó là tại bộ tâm si nên hỏa vọng, thần bất chủ xá, máu nó chạy bậy bạ trong ngũ tạng lục phủ mà làm nên sự chiêm-bao.

Sự chiêm-bao thấy đi chơi xứ kia xứ nọ, hoặc thấy việc lâu năm, hoặc thấy sự chết như sự sống, khi thấy, phú quí vinh hoa, khi thấy gian nang, khi thấy người biểu làm sự này, khi lại thấy người bảo việc kia (Có chỗ lại nói rằng: Con Tào đem đàn chĩ nẻo).

Xem lại người thế gian đời nay ít người mà thấy chiêm-bao mà có thật, nên có lời nói rằng: (Mộng mị)

Mấy vì đế vương đời xưa, cùng là mấy người đời xưa, thấy trong truyện sử nói chiêm-bao điềm nào cũng là quả thật hết thấy.

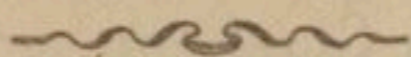
Trong truyện Liệt-Tử nói rằng: Xưa vua Huỳnh-đế năm chiêm-bao thấy mình đi chơi nơi nước Huê-tư, thấy dân sự nước ấy rất nên là thanh nhàn thái bình là đẹp lòng lắm; vua giật mình thức dậy, từ khi chiêm-nao về sau hai mươi tám năm dư, thì vua trị thiên-hạ thái bình y như vua đã thấy dân thanh nhàn của nước Huê-tư, đó là điềm lành, như đời Đường. Lý-thái-Dân, chiêm-bao thấy đi chơi nơi Phụng-hoàng-sang, rồi sau cũng y như vậy, ấy là điềm dữ. Như nàng Kiều thấy Đạm-Tiên vừa đưa thập thủ đoạn trường thi, rồi sau cũng có quả vậy, bởi đó nên cuộc chiêm-bao có người thì tin lung lắm, cũng nhiều người chê rằng mộng mị.

—+—
33. — *Con chim quắc (đồ-quyên).*

Con chim quắc là ông Thục-vọng-Đế, xưa ông vua Thục-vọng-Đế, là một ông vua rất nên là hiền lành nhơn đức, bèn tình nhượng tước vương cho một người danh tướng

của mình, người tướng ấy tên là Tư-Chi, khi ban đầu mới nhường ngôi thì người Tư-Chi, kính trọng lắm, mà lâu lâu thì đôi tánh đã không kính trọng mà lại làm nhiều điều bó buộc, lại phát lương cho ông dùng.

Thục-vọng-Đế lấy làm tức mình lắm, bèn giận mà chịu thác hoá ra con chim quắc, trong lúc ông chết đó là nhằm mùa thu, vậy hễ khi nào con chim quắc kêu đó là mùa thu, (luận : Như tên Tư-Chi thật là một người mọt thạ-b).



34. — *Người chệc có đuôi, người chệc không đuôi.*

Người Chệc trước hết không có đuôi, sau lại có đuôi, nguyên tích là như vậy :

Bên Trung-quốc nhà Minh có mười bảy đời vua trị dặng hai trăm bảy mươi sáu năm, đóng đô tại Giang-nam, đời nhà Minh người Chệc để tóc như người Annam, người Bắc.

Qua đến đời thứ 16 vua Hi-tông, tên là : Do-Hiệu, vua này đánh giặc không lại vua nhà Thanh, nên Thanh lấy nước bắt người trong nước phải cạo đầu như người Thanh vậy.

Người Minh tâu rằng : Tổ tiên xưa đầu có tóc, nay lệnh vua dạy cạo hết tóc, thật là thất hiếu, trước là bỏ nghĩa tổ tiên sau là quên niềm cây cội, xin mong ơn hà hải, vưng, theo lệnh thì vưng mà cạo, song xin cho để lại một cái chóp dặng mà thờ tổ tiên xưa. Vua nhà Thanh y theo lời xin. Từ đó về sau người bên Trung-quốc hết thấy đều cạo đầu chừa lại một cái lổm giữa, mà bởi để chóp dài mà không bới thì nó hay rối rắm nên phải dóc nó lại cho vắn vắn ; từ khi người Trung-quốc cạo đầu dóc chóp cho tới nay tính ra dặng hai trăm chín mươi sáu năm.

Rốt đời nhà Lê, vua Lê-chiêu-thống-đế, đánh giặc thua nhà Thanh, bị vua Thanh bắt đem về Yên-kinh, Lê-Huýnh với các quan theo phò vua Lê, vua Thanh cũng bắt các quan với Lê-Huýnh phải cạo đầu dóc chóp và ăn mặc theo người Tàu. Ngày kia vua Thanh gặp Lê-Huýnh cùng các quan nơi cõi Đông, vua Thanh cũng khuyên lơn biểu cạo đầu dóc chóp như người Tàu vậy. Lê-Huýnh bèn tâu cùng vua Thanh rằng : Xin đem về cho tới Yên-kinh, dặng vua tôi gặp mặt nhau mà phân nói rồi sẽ tính việc cạo đầu dóc chóp chẳng muộn chi. Khi về tới Yên-kinh rồi vua tôi gặp nhau vô cùng than vãn, rồi Lê-Huýnh cũng không chịu cạo

đầu dóc chóp, không thêm dùng y phục của Tàu. Vua Thanh giận bèn cầm nơi cấm cố, Lê-Huýnh cũng an lòng, cách ít lâu vua Lê đau nặng, vời các quan theo mình mà trởi xin các quan đem hải cốt về Annam, trởi rồi thì vua Lê-chiêu-Thống thăng hà. Cách tám năm vua Thanh đòi Lê-Huýnh mà hỏi việc cạo đầu dóc-chóp. Lê-Huýnh cũng không chịu, sau bèn tha Lê-Huýnh, lại cho phép muốn ăn mặc thế nào thì tự ý.

Năm Nhâm-tuất vua Gia-Long nguyên niên, có sai sứ qua Tàu, Lê-Huýnh cùng các quan nhờ diệp có sứ qua, nên các quan đứng sớ xin cho lấy cốt vua Lê-chiêu-Thống mà đem về bôn quán ; vua Thanh cho lấy cốt. Luận : Như Lê-Huýnh, ở tù 7, 8 năm thì chịu mà không chịu cạo đầu dóc chóp theo Tàu ; rồi khi nào về Annam thì để tóc nó dài ra mà bới cũng chẳng cang chi, hễ nắng bề nào che theo bề nấy, hễ tắm khi nào vuốt mặt khi nấy cũng không làm sao.

Thật Lê-Huýnh là người chí quân tử, cho đến đời cùng thế như vậy, chúa mình thì bị cầm, còn mình thì bị giam lưu tù rạt, mà lòng cũng giữ theo tổ tiên, dạ mển què hương, mắt còn chẳng sợ, cũng như người Thanh bắt người Minh cạo đầu hết mà người Minh cạo thì cạo mà còn chừa chóp lại mà thờ chúa mình.



35. — *Trầu cau vôi.*

Tích trầu, cau, vôi. Nguyên xưa đời Hùng-vương có một nhà kia đẻ sanh đôi ; hai trai in nhau xem cũng như một, khi khôn lớn lại càng giống nhau hơn nữa, trong xóm làng không ai biết ai là anh ai là em phải lầm luôn luôn.

Đã đúng tuổi lo đôi bạn ; trong xóm có một nhà giàu kia có một gái đẹp đẻ, người anh xem rồi vừa lòng, mai chước đà yên, từ đó về sau thường, tới lui thăm viếng ; anh em người này xưa nay không hề rời nhau ; bất kỳ là đi đâu đều có người em đi theo ; bên nhà cha mẹ vợ, cũng lầm luôn luôn, hễ thấy một người thì biết mà thấy hai người thì không biết ai là anh ai là em, ông gia lấy làm khó. Bữa nọ anh em đến thăm ; ông gia biểu người nhà dọn cơm mời anh em ăn, anh em ngồi lại, người em lấy đĩa so rồi, hai tay cầm trao lại cho anh, ông gia chăm chỉ ngó thì

mới rõ người anh người em. Đến ngày cưới hỏi xong rồi, thì anh em cũng ở chung với nhau như thường.

Có một ngày kia anh em rủ nhau đi chơi xa xa, khi chơi bời rồi anh em rủ nhau trở về, đang đi vừa gặp người quen, người anh đứng dừng chơn lại mà nói chuyện với người quen, còn người em thì đi về trước. Về tới nhà, người chị dâu ngó thấy lầm ngỡ là chồng mình về, bèn chạy lại ôm mừng mừng niếu, hung hốt cách thương yêu lắm, người em bị chị dâu làm như vậy thì lấy làm mắc cỡ hổ người, lại xét trong mình rằng: Nếu để như vậy thì mình có lỗi cùng anh mình, lại e khi khác chị mình cũng còn lầm nữa: nhiều lần lầm như vậy, thiên-hạ dòm thấy thì lấy làm trái phong hóa, chi bằng mình xử lấy mình; tính đi sang xứ khác mà làm ăn.

Người em buồn bực bỏ ra đi bậy bạ không nhứt định là đi đến xứ nào, đi bơ vơ đói khát, ngày kia sang đêm nọ, ngày đang nấn tối dầm sương, trong lòng thì đói, không có sức mạnh đủ, nên phải mang bệnh, thương bàng thương phong mê mang, không có thuốc men chi cả nên phải chết giữa đàng.

Có một cái nhà ở gần đàng, thấy người chết nằm giữa đàng thân thể tồi tàn, nên moi lỗ bên đàng mà đập thây thi cho khuất.

Người anh từ ngày đi về tới nhà không thấy mặt em lấy làm thương nhớ, vì là xưa nay anh em không hề rời nhau, mà bây giờ cách mặt lâu ngày nên lấy làm buồn bực, ngồi nằm không yên bời hồi trong dạ, bứt rứt lương tâm, bèn bỏ nhà quyết lòng đi tìm cho đặng em. Đi lơ thơ qua xóm kia hỏi thăm, lại làng nọ hỏi thăm. Càng ngày càng bực tin, người anh rầu buồn, lại mắc dang nấn dầm sương, nên đã mang bệnh, song cũng ráng mà đi tìm em; đi vừa đến chỗ người em chết, sao trong lòng bần dưng không muốn đi, ngồi lại một bên đàng kể cái mã của em đó mà nghĩ; người trong nhà ngó thấy thì lấy làm lạ: Ngày trước đã chôn rồi, sao bây giờ sống lại lên ngồi đó. Người chủ nhà bước đến gần kêu mà nói rằng: Ngày trước tôi đã làm ơn mà chôn chú ngày trước rồi, sao nay chú sống lại đặng? Người anh nói không phải. Người chủ nhà nói: Vì làm sao mà chú chối làm vậy? Thật chú là người tôi đã chôn một lần rồi, tôi nhìn đi xem lại thì giống tạc không sai chút nào, sao chú nói rằng không phải? Người anh bèn tỏ bày căn cội việc anh em giống nhau thế nào cho người chủ nhà nghe. Người

chủ nhà nghe rồi, bèn nói chuyện lại cho người anh nghe. Ngày trước có một người giống tạc như chú, đi đâu không biết, đau bệnh chỉ cũng không rõ, đi đến đây nằm chết giữa đàng, tôi thấy tội tàn thân thể, nên tôi đào lỗ mà chôn, đờ cái gò đất kế bên chỗ chú ngồi đó.

Người anh nghe nói dứt lời, thì biết chắc là em mình, bèn ôm mã nhào lẳng mà than khóc; thương thay cho người anh đêm ngày cứ ôm mã đó mà khóc kể. Trong mình thì mang bệnh lại thêm đói khát, trăm phần rầu buồn, cách ít ngày nằm bên mồ em mà chết; người chủ nhà ra thăm, thấy người anh nằm ôm mã mà chết, bèn đào lỗ kế bên mã người em mà chôn.

Người vợ nhà, ngày ngày hằng trông chồng về, mà càng trông thì càng biệt tin tức. Đêm ngày buồn rầu ăn ngủ không đặng. Bỏ nhà ra đi tìm chồng, đi thơ thần làng kia qua xóm nọ, cứ đi hoài ngày đêm bất kể, trong lòng buồn rầu, đói khát, ngoài thì nắng mưa sương tuyết, mình phải mang bệnh trọng, đi đến một cái đàng thấy hai cái mã kề nhau thì trong lòng phát nghi, ý dự dự không muốn đi, ngồi ghé lại chỗ hai cái mã mà nghĩ, song căn bệnh càng thêm vì là không có thuốc men chi cả. Vậy nên cách vài ngày người vợ cũng nằm một bên hai cái mã mà chết; người chủ nhà ra thấy thì lấy làm lạ, bèn đào lỗ kế bên hai cái mã kia mà chôn. Nội chòm ba cái mã đó lâu lâu nó hóa ra mã vôi; cái mã của người chồng mọc lên một cây cau mập tốt lại có trái, nơi mã của người vợ mọc lên một dây trầu leo vắn theo cây cau.

Ngày thanh khí vua Hùng-vương đi dạo chơi, đi ngang qua chòm ba cái mã, thấy có một cây cau tốt có trái lại có một dây trầu leo vắn theo cây cau, vua bèn dạy người leo lên bề trái cây mà xem, rồi cấn bề ra xem trong ruột trái ấy, nhãn nhãn coi thì chát chát, bèn hái một lá trầu leo theo cây cau cũng nhãn nhãn thử coi thì cay. Đoạn lấy ruột trái cau với lá trầu nhai chung với nhau thì bớt cay bớt chát, nhai bậy bậy, rồi nhổ trên mã vôi tức thì nước cau trầu nó chảy ra thấm vôi, nó ra màu đỏ lôm, lấy làm lạ lắm, bèn lấy một lá trầu, một miếng cau với một chút vôi nhai lộn với nhau, nhổ nước ra nó đỏ, mà xem ra môi miệng cũng đỏ. Từ đó về sau mới thành ra cuộc trầu cau. Đời sau noi theo mà dùng, đem đi cưới vợ lấy chồng, hề trong việc vợ chồng cưới hỏi thì phải dùng việc có trầu cau, dây trầu vắn đeo theo cây cau là chỉ dấu, thương yêu nhau nương theo nhau mà ở đời, có lời nói rằng: Thê thẳng tử phục.

36. — *Vẽ mình, xăm mình.*

Thấy người hay xăm mình, làm ra hình rồng, phụng hoặc là xăm chữ, tùy theo ý người muốn làm sao thì làm, sự xăm mình thì không khó chi, muốn xăm ra chữ hay là hình thú vật, trước hết phải vẽ hình ngoài da, rồi lấy kim xăm theo lần vẽ, mà phải xăm cho có máu đều nhau, (nắm chặt thì xăm không đau), rồi chùi máu lấy mực thoa vào, mực nó hút vô mấy lỗ xăm đó, để vài bữa nó hết sưng liền da thì mực nó trở nên xanh.

Tích vẽ mình này bày ra đời Hùng-vương thứ nhất, vua Hùng-vương này là con đầu lòng của vua Lạc-long-quân vua trị đất giao chỉ (Annam) đóng đô tại Văn-lang; đời đó dân sự còn quê mùa, người khôn thì khôn quá người dại thì dại quá, người thì hình dạng xấu xa xem gần giống như thú, (nên có câu nói cô như hình tợ thú), ở thì ở trong hang trong bọng cây, ăn thì ăn đồ sống, ngày ngày lội lặn dưới sông dưới biển bắt tôm cá mà ăn sống như loài thú vật vậy; có nhiều khi lặn lội bị nhiều con thú độc nó cắn chết khốn nạn.

Vua Hùng-vương thấy dân sự hay bị loài thú cắn chết khốn nạn, thì truyền lệnh cho nhơn dân cả và nước phải vẽ mình cho có rằn rứt phòng khi gặp loài thú, thì nó ngỡ là đồng loại cùng nó, nó không cắn. Từ đó về sau dân cả và nước đều vẽ mình có rằn rứt xem như hình thú.

Đến đời nhà Trần vua Anh-tông, truyền bỏ thói vẽ mình, mà người dân thứ cũng còn vẽ mình. Đến đời nhà Minh qua lấy nước Annam cai trị mười năm, bèn ra lệnh cấm ngặt, bất kỳ người ở kinh-thành hay là ở xa, cấm tuyệt không cho vẽ mình.

Những dân ở trong rừng trong núi thì cũng còn noi theo tục lệ mà vẽ mình; nhất là người Miếng-điện cùng là các sắc dân dân Thổ, hay ưa vẽ mình lắm.

Có nhớ chăng, năm trước khi Đức-hoàng-đế Annam vô Gia-định, lệnh Đại-pháp có đòi các thứ Mọi đến điểm binh, Mọi đó nó vẽ mình có rằn rứt lại đeo cuôm chuỗi, mà bận có một miếng vải đủ che nơi thân thể mà thôi, mình mây truồng trần, đầu tóc lăn quăn chơm bươm, coi gần giống như thú vậy.

Đời nhà Tống, có người danh tướng là Nhạc-Phi, mà

trước khi ra phò vua, thì bà Nhạc-Hòa là mẹ, bắt Nhạc-Phi quì gối khum lưng mà xăm trên lưng bốn chữ (Tinh-trung ái-quốc), Nhạc-Phi quì gối cho mẹ xăm kim mà y khóc ròn, bà mẹ quở mà nói rằng: Mi là danh tướng đau đớn chi mà khóc. Nhạc-Phi bèn thưa mẹ rằng: Không phải con đau mà khóc, vốn con khóc là tức mình vì mẹ không tin lòng con. Đời xưa có danh tướng chớ đời nay lại thiếu chi; mắt hay thường thấy có nhiều ông xăm mình, người thì xăm: chi-quân-tử, người xăm trung-quân-vương, mà mấy ông xăm mình không biết ra thể nào, mấy ông không khóc đó là mấy ông có gan hơn ông Nhạc.

37. — *Tam-hoàng cuộc chi.*

Trong thế sự thường hay dùng tiếng nói, tam hoàng cuộc chi, là lời nói xa vời, nói lão, nói lộn xộn, nói quấy. Thấy thường chú kia đến nhà anh nọ nói chuyện buôn bán, hoặc là chuyện chi khác lâu đời, hoặc là nói ước ao chuyện chi đó, nói rộn ràng mà rốt việc thì không xong việc nào, rồi bỏ ra về; người khác đến hỏi thăm, ở hôm qua thấy chú.... lại nhà anh nói om sòm như vậy? Chủ nhà nói: Ồi thằng cha khùng nó nói chuyện tam hoàng cuộc chi hơi sức nào mà nói lại. Xưa nay ngữ là nói chuyện tam hoàng đó ngữ là nói bậy, nếu tưởng như vậy thì lắm sai (có lời nói rằng: Có tích mới dịch ra tuồng).

Tam hoàng thật là lâu đời lắm có hơn bốn ngàn năm dư, sự có thật, trong sử biên rõ ràng; tam hoàng là: thứ nhất là vua Phục-hi, niên hiệu là Thái-hạo. Thứ hai là vua Thần-nông, niên hiệu là Viên-đế. Thứ ba là vua Huỳnh-đế.

Ấy đó là tam hoàng. Thật sự, nói chuyện tam hoàng là việc lâu đời mà thôi, chớ không phải là nói quấy.

38. — *Hang kiến gọi là nước An-quốc.*

Con kiến là một loài nhỏ mọn, mà xem ra cũng có con nhỏ, con vừa, con lớn, định chặt nó cũng có phân thứ lớp, Sách Đại-thành nói chuyện Di-quốc-lục nói rằng: Xưa có người tên là Thuấn-vu-Lâm, nhà ở phía nam, gần nhà có cây hòe lớn lắm không biết là mấy đời. Một ngày kia người Thuấn-vu-Lâm uống rượu say đi thơ thần ra nơi

gốc cây hòe, ngồi lơ láo bù ngũ nằm xuống ngủ, ngó thấy mình đi chơi đến nước An-quốc, bèn vào ra mắt vua nước ấy. Vua phán rằng : Trong nước ta phía Nam-a có chuyện, ta cho nhà ngươi làm quan Thái-thú trấn quận ấy. Va cúi tạ ơn vua và lãnh chức Thái-thú đi trấn cõi Nam-a đã hai mươi năm. Giật mình thức dậy, thấy mình nằm bên cội hòe, lại có một cái hang kiến lớn lắm, trong lòng luận, hang kiến đó là nước An-quốc, ngó lên cây hòe thấy phía nam có một nhánh de ra, thì hiểu, nhánh hòe đó là quận Nam-a.

Đến sau người Thuấn-vu-Lâm, đi thi đậu, làm quan Thái-thú tại quận Hòe-an. Cuộc chiêm bao là mộng寐, mà cũng có chỗ thiệt đó là con tạo đem đàng đem tin trước cho mà hay.

39. — *Ngọn rau tất đất.*

Lời tục thường hay nói : Ngọn rau tất đất, lời nói đó là ý nói xa là chỉ làm người hay biết ơn biết nghĩa, dầu người ta cho mình đứng trong đất người trong một giây phút mà nghĩ chơn thì cũng gọi là ơn người, dầu người cho mình ăn một hai ngọn rau mà đỡ đói thì cũng là nghĩa trọng, tuy là vật hèn mặc lòng mà người ta có lòng tốt thì là ơn của người đó.

Xưa nước Cô-trúc là nước nhỏ (Phụ-dung) là nước nhỏ phụ theo chư-hầu. Vua nước ấy có sanh ra hai con trai, con lớn tên là Bá-Di, người nhỏ tên là Thúc-Tề. Khi vua cha gần băng hà thì kêu hai con vô mà trối rằng : Cha xem Bá-Di, là anh mà hơn đức ít sợ e lòng người không phục, còn Thúc-Tề là em mà hơn đức nhiều, vậy nên cha an lòng mà truyền ngôi lại cho Thúc-Tề. Trối vừa rồi thì băng hà.

Anh em lo vụ tống táng xong rồi ; thì Thúc-Tề nhường ngôi lại cho anh mà nói rằng : Thiên luân vị trọng, anh hãy làm theo luân lý, như vậy mới là phải, anh hãy làm vua trước, sau sẽ tới em (như phế trưởng lập ấu thì trái thừa đạo hăng). Bá-Di nghe em nói thì nhường lại cho em mà nói rằng : Phụ mạng vi tôn, phận anh thì cứ vưng theo lệnh cha nào dám cãi, anh em cứ nhường qua nhường lại cho nhau, không ai chịu làm vua, đều bỏ ngôi Thiên-tử, anh em đồng đi lên ở nơi núi Thú-dương.

Đời nhà Cbâu, vua Võ-vương, là con vua Văn-vương (Tây-bá). Khi vua Văn-vương băng rồi, thì Võ-vương là con cũ đại binh qua phạt Trụ, binh đang đi, anh em Bá-Di,

Thúc-Tề ra đón xe vua Võ-vương mà nói rằng : « Cha chết mới chôn, mà ra đi đánh giặc thì sao là hiếu. Mình là vua ngôi Chư-hầu, Trụ là vua ngôi Thiên-tử, tôi mà đánh lại vua thì sao gọi là trọn trung. » Kể tả hữu đòi chém, ông Thái-công (Khương-Thượng) không cho chém, nói rằng : Đó là người có ngải, bèn biểu đi đi.

Vua Võ-vương chả thềm nghe, cứ việc cử đại binh qua phạt Trụ, đại binh phạt Trụ xong rồi, lấy nước lập nên dòng nhà Châu.

Anh em Bá-Di, Thúc-Tề chê người không hiếu, nên không thềm ăn lúa gạo của nhà Châu, anh em ở tại núi Thú-dương ăn những rau vi mà thôi. Cách ít lâu có người đi gặp thấy ăn rau thì hỏi sự tích, anh em tỏ bày cho người ấy nghe, người ấy bèn nói rằng : Nay anh em không thềm ăn lúa nhà Châu, mà ăn rau cỏ mọc trong đất của nhà Châu, ấy cũng gọi là ngọn rau tất đất của nhà Châu. Anh em nghe người ấy nói phải, bèn nhịn đói mà chết tại núi Thú-dương.

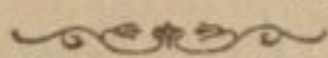
—*—
40. — Móc miệng (Móc miệng). Thang bình.

Thế tục thường hay nói móc-miệng (móc-miệng) nói rằng : Con nít mới sinh ra khỏi lòng mẹ, thì mẹ bà phải thò tay vô miệng đưa nõ mà móc cục máu ra, chớ để nó khóc nó ứt vào, sau nó lớn lên nó ngu nó dại. Lời nói đó thật là nói không có lý nghiệm. Trong sách thuốc Y-học Thọ thế nói rằng. Con nít ở trong lòng mẹ thì hai tay nó cứ ôm cuốn nhau mà bú chẳng hề rời, nó bú cuốn nhau là hưởng theo hơi của mẹ, hề mẹ ngủ thì con ngủ, mẹ mệt con mệt, mẹ ăn thì con hưởng. Hễ khi nào nó buông cuốn nhau đó là tới giờ nó phải chung ra khỏi lòng mẹ, hề buông cuốn nhau thì nó chung ra tức thì, máu đầu mà ngậm cả cụt, (xưa nay mấy chị có lòng sinh đẻ mà có thấy mẹ bà móc cục máu ra hay là không) ? Đó là lời nói ước chừng chớ không có, không nhằm, mới sinh ra thì mẹ bà thò tay vào miệng mà móc nhót nhao bọt dãi thì có, chớ cục máu thì không có.

Vốn thật phép móc miệng là như vậy. Con nít sinh ra khỏi lòng đôi ba ngày, thì mút một tô nước cho trong sạch rồi kiểm lựa thứ bông chỉ cho thơm tho tươi tốt, đem để ngang miệng tô nước, rồi đi kiểm một người có danh phận hơn từ đức hạnh đến cầm nhánh hoa chấm vào tô nước, cầm hơi qua hơi lại bên miệng đưa nõ, còn miệng thì

vái rằng: Lớn lên ăn nói khôn ngoan rảo rẻ, cũng một khi ấy, lấy nước ấm ấm mà tắm cho đứa nhỏ đó. Còn trong vòng bà con cô bác đem đồ đến cho nó đồ chơi hoặc là đồ ăn; phép móc miếng chánh chữ kêu là Thang-bính.

Quả thật lời nói móc cục máu, đó là nói sai hiểu sai, mà tục lệ nói hoài dùng mãi, nên đã thành tục rồi, không ai sửa đặt, dầu sai cũng phải nói theo, như lời thể nói sai thì mặc lòng, song lẽ tục lệ đã quen dùng thì việc quan cũng phải dùng theo, nếu không dùng thì người ta không hiểu, như thể nói tại sở Arsenal thì người không hiểu nên phải dùng theo tiếng tục hay dùng là Ba-son.

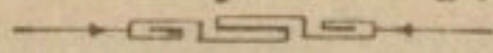


41. — *Con chung-tur (ngựa trời) con cào cào (phụ-chung).*

Nhớ lại năm rồi, con cào cào ở đâu bay đến nhiều quá bay mát trời, đậu vô cây nào thì ăn hết lá cây nấy, đập vào đám lúa nào thì ăn hết đám lúa nấy, làm hư hại cửa nhơn dân, thật là loài khốn nạn hư hại cho đến đổi nhà nước phải chạy tở các nơi mà bảo phải hết lòng trừ diệt, vì là nó làm hại dân, thấy người kêu là con chung-tur. Nếu kêu như vậy thì sợ e không nhầm. Trong kinh-thi-châu nam nói: Chung-tur vô sảng sảng hề, nghi nhữ tư tôn hoẵng hoẵng hề. Con chung-tur kịt kịt vậy hạp con cháu rầy rầy vậy. Tiếng nói chung-tur đề mà chúc cho người sang trọng sanh con đẻ cháu cho nhiều, cũng như con chung-tur vậy. Vốn con chung-tur, là con thiên mã (ngựa trời) nó nở ra một ổ nhiều con lắm coi nó lúc nhúc.

Người thế gian xưa nay ai ai cũng lấy sự đông con đông cháu là có phúc lắm, thường thường anh em quen biết lâu năm có gặp nhau trước hết hỏi thăm năm nay anh đặt mấy đứa con, hề nói có nhiều thì lại mừng.

Xưa vua Lạc-long-quân, trai gái với Mụ-cơ là cung-nữ của vua Đế-Lai, đẻ bọc đặt trăm trứng, nở ra đặt một trăm con trai; nhiều như vậy cũng gọi là chung-tur đó.



42. — *Cầu ô.*

Cầu ô thước, hay nói bắt cầu ô thước, trong sách nói: Vì sao Chức-nữ vốn là cháu vì Thượng-đế, ở phía hà đông, vì Thượng-đế gã Chức-nữ cho vì sao Kim-ngưu ở phía tây, khi Chức-nữ chưa có chồng thì siêng năng việc nữ công lắm, mà từ khi có chồng về sau, thì mắng bận biệu, theo

chồng bỏ bê trẻ các việc. Vì Thượng-đế giận đòi hai vì đó về quả trách, rồi phạt không cho ở gần nhau nữa, một năm cho gặp nhau một lần mà thôi. Đến đêm mồng bảy tháng bảy thì hết thấy qua đều tự mà đội cầu bắt qua sông ngân hà dặng cho Chức-nữ qua gặp Kiềm-ngư, tích qua đội cầu là như vậy, cái cầu đó kêu là cầu ô thước, con ô thước là con qua. Sách vở lưu tích như vậy mà giã chơn nan biện. Hãy có ý xem hễ qua tháng bảy thì qua, nó đi đâu mất hết, tới tháng tám tháng chín nó trở về mà xem trên đầu thì rụng lông xơ xài.

43. — *Bác trăn (Tám món qui.)*

Bác trăn là tám món đồ ăn qui lắm. Đồ đó để nhà vua, nhà quan, nhà giàu có sang trọng dùng mới dặng, vì là những món nào có thì là mất lắm, nghèo mua không nổi mà dùng. Tám món là; gan rỗng, gan phụng, thỏ hàng năm, tay gấu, trứng chim dữ dĩ mới lộn, nhượng con heo, môi con lười ươi, đuôi cá lý ngư, trong tám món đó, có một món gan rỗng thì không có, mà có: Có là như vậy; trong tứ-dại-kỳ-thơ nói: Đời Tam-quốc có một người tên là Tá-Từ đi tu tiên, tu tại núi Nga-mi đã ba bốn chục năm, ngày kia đến tại dinh Tào-Tháo mà làm nhiều phép thuật rất lạ rất nên là thiệu tài, bữa kia Tào-Tháo ăn yến, có nhiều món rất mỹ vị cao lương.

Tá-Từ bước đến nơi yến mà nói rằng: Trong tiệc của đại-vương dùng đây có đủ chăng? Ý đại-vương có muốn dùng vật chi lạ cùng chăng? Tháo nghe hỏi thì nổi giận mà nói rằng: Đây ta còn thiếu một món gan rỗng mi đem ra đây cho ta dùng. Tá-Từ cười mà nói rằng: Như đại-vương muốn dùng gan rỗng thì không khó chi. Tức thì, Tá-Từ lấy viết mực vẽ vô vách tường một con rỗng, vẽ rồi xủ tay áo rộng quạt một cái con rỗng phình bụng ra, Tá-Từ lấy dao xẻ chỗ bụng, thò tay vào nắm gan rỗng kéo ra máu chảy rỗng rỗng, cắt bớt một miếng gan mà trao cho Tào-Tháo. Tháo ngó chăm chĩ Tá-Từ, rồi nạt Tá-Từ mà nói rằng: Ấy là gan mi đã đem sẵn mà dấu trong tay áo mi, quả thật mi là người tà thuật.

Tướng trong việc thuật, bất kỳ là đời nào cũng thua Tá-Từ như Vu-Kiệt cũng là giỏi song cũng thua, khó sánh với Tá-Từ.

44. — *Nghĩa giao tất hay là tất giao.*

Xưa đời nhà Hán, tại đất Giang-tây, có tên Lôi-Nghĩa với Trần-Trọng, hai người kết bạn cùng nhau rất nên là thiết nghĩ lắm, thương yêu nhau cách lạ lùng : cùng nhau gấn công lo việc ăn học. Đến hội thi, anh em đem nhau xuống Trường-an mà thi. Lôi-Nghĩa vào thi đậu, còn Trần-Trọng rớt. Lôi-Nghĩa thấy bạn mình rớt thì vội vã vào thưa cùng quan Giám-khảo, xin nhường chức đậu của mình cho Trần-Trọng. Quan Giám-trưởng nói : Đây là việc công nào phải việc tư đâu mà làm vậy đặng.

Trần-Trọng nghĩ phận mình thi rớt bèn ra về. Lôi-Nghĩa thấy bạn mình ra về thì buồn bực hết sức, lâu nay anh em hăm hút cùng nhau, ngỡ là đặng vinh vang cùng nhau, ai ngờ là lở làng như vậy, nhớ lại lời ước cùng nhau, hễ gặp giàu thì chia vui, gặp khó thì chia lo, ngày nay mình đặng vui mà chẳng đặng chia vui với anh em, thôi cũng chẳng vui làm chi, nói rồi bèn bỏ tóc xã già diên mà chạy về theo Trần-Trọng. Trời đất cũng chứng cho lòng người tốt, đến khoa sau hai người ra thi nữa, bèn thi đậu hết cả hai, vậy nên có lời sách khen rằng : *Giao tất tự vi kiên bất như Lôi giữ Trần.*

45. — *Khối tình.*

Khối tình là một sự tin cậy nhau, giữ lời giao ước tạc ghi vào lòng vào dạ dầu có chết cũng chẳng phai. Xưa có một người con gái kia, tư tình với một anh học trò nọ, thương yêu nhau lắm, và có lời đoan thệ nữa, rũi thay, người con gái bị quân hoan đảng nó làm bức nên người con gái chịu chết, mà bởi tình yêu thương người học trò lắm, nên nó hóa ra một hình người nhỏ nhỏ (như cái bóng), nằm dưới lưng luôn luôn, thiên-hạ đồn rằng có một người con gái bị chết hoan nơi đảng ; quan đi lấy luật nghiệm. Người học trò nghe đồn như vậy thì trong lòng phát nghi bèn đi đến đó mà xem cho rõ. Khi quan lấy luật nghiệm thì lật lưng lên thấy một cái bóng người nhỏ nhỏ chạy qua chạy lại, cũng trong lúc đó, người học trò bước vào gần mà xem thì thấy rõ ràng là người tình nhân của mình đã bị chết đó, người học trò cảm lòng không đặng bèn khóc òa lên, tức thì cái hình nhỏ tan đi đâu mất, ai nấy đều lấy làm lạ lắm. (Đó là cái khối tình).

Trong sử nói : Đời nhà Lê, vua Lê-chiêu-Thống, bị thua nhà Thanh, mà phải bị vua Thanh bắt đem về Yên-kinh,

vua Lê huyết thệ cùng các quan, dầu lẽ nào cũng liêu sanh tử với nhau. Năm nhâm tí, tháng năm, vua Lê bị Thanh bắt về ở tại Yên-kiab, thì Thái-tử đau bệnh chết, qua tháng mười năm sửu, ngày mười sáu vua Lê đau nặng đòi các quan theo mình mà trốn; lời huyết thệ đã không làmặng xin chư khanh cảm tình ta mà đem hài cốt ta về Annam với chư khanh. Trốn rồi thì thặng hà. Qua năm nhâm tuất Gia-long nguyên niên, sai sứ qua Tàu. Các quan của vua Lê đã bị thanh cầm bấy lâu, nay sảng điệp có sứ Annam, các quan bị cầm làm sở lâu xin về Annam và xin lấy cốt vua Lê đặng đem về bôn-quán. Qua năm giáp tí, vua Thanh hạ chỉ cho lấy cốt vua Lê với Hoàng-tử mà đem về Annam cho luôn. Quan sứ cùng các quan đào xác vua Lê lên, thì thịt da tiêu hủy còn xương không, xem rõ, trái-tim của vua Lê còn y nguyên không hư, máu trong trái-tim còn đỏ lỏm như máu người sống. Đó là khối tình vì vua có lời huyết thệ với các quan, mà lời huyết thệ còn, vua lại mất đi, tuy là người mất mặc lòng mà tình còn ghi đó.

46. — *Dê cái có sừng mà lại còn có râu.*

Con dê đực có râu có sừng thì phải, mà sao con dê cái cũng có râu có sừng, như vậy sao gọi là đực cái, sao gọi là âm dương, nếu cứ đầu mặt mà xem thì đực cái giống nhau, lấy làm khó liệu.

Tưởng chắc là nguyên tích tại nơi Tá-Từ mà làm ra lộn lạo như vậy, nên mới lưu cho đến đời nay, trong Tứ-đại-kỳ thơ nói: Đời Tam-quốc, khi Tào-Tháo lập cung Ngụy-vương rồi thì có hạ chỉ sai quân đi các nơi, tìm những cây trái bông hoa quý tốt đem về mà trồng, quân đi qua đến Đông-ngô, vào lạy Ngô-chúa (Tôn-Quờn) và dựng chõ của Ngụy-vương (Tào-Tháo). Ngô-chúa xem rồi bèn truyền lệnh lựa thứ cam tốt lớn trái, mấy chục gánh, dạy quân đem về dựng cho Tháo, quân gánh đi đường xa nặng mệt, bèn ghé vào chơn núi mà nghỉ, quân vừa ngồi nghỉ bỗng đâu ngó thấy một người hình dạng xấu xa có tật nhót chơn, lại đui hết một con mắt, bộ tướng như người tu, mặc áo màu xanh, đội mũ trắng, đến gần chúng quân mà hỏi thăm trò chuyện rất vui, rồi nói rằng: Các cậu gánh cam rất nặng mỗi mệt, vậy thôi mấy cậu ngồi nghỉ để tôi gánh chuyền lần lần cho một bại dăm. Gánh nào y cũng có gánh chuyền một đôi hết thấy, gánh đủ rồi bèn trở lại từ giả chúng

quân mà đi. Quân bèn hỏi tên họ quê quán. Từ bèn trả lời rằng : Tôi là họ Tá tên Từ, tôi đi học đạo xứ xa nơi núi Nga-mi, tôi vốn là người cố nhơn với Ngụy-vương, thường ngày tôi ở nơi động, đạo hiệu là Ô-giác tiên-sanh, mấy cậu về đến Hứa-đô, xin nói giùm rằng Tá-Từ kính lời thăm Ngụy-vương, nói dứt lời bèn bỏ ra đi. Quân-nhơn đem cam về dựng cho Tháo, tức thì Tháo lấy dao mà xẻ cam ra, mà xẻ trái nào cũng tinh vỏ không mà thôi, Tháo lấy làm sợ bèn hỏi chúng quân vì làm sao vậy. Chúng quân bèn thưa lại các việc cho Tháo nghe mà Tháo không chịu tin. Đang nói chuyện phứt đầu quân vào báo, nói có một người tên Tá-Từ xin ra mắt. Tháo dạy cho vào. Tá-Từ vừa bước vào, chúng quân thấy bèn la lên ; đây là người gánh cam giùm khi giữa đàng. Tháo ngó sừng Tá-Từ mà nói : Mi dùng tà thuật chi mà ăn hết ruột cam của ta ? Tá-Từ trả lời rằng : Lời đại-vương nói đó thì sai rồi, có lẽ nào như vậy đặng. Vừa nói vừa lấy cam xẻ ra trái nào cũng có ruột đầy đủ, Tháo lấy cam mà xẻ nửa thì không có ruột, Tháo lấy làm lạ, bèn cho Tá-Từ ngồi mà trò chuyện, Tá-Từ cứ đòi ăn uống, Tháo dạy ban thịt rượu. Từ ăn hết một con dê, uống hết năm đấu rượu mà x m ra chưa no chưa say. Tháo lấy làm lạ bèn hỏi Tá-Từ : Mi là người chi có phép mà ăn uống đặng nhiều như vậy ? Từ nói : Tôi đi học tại núi Nga-mi hơn 30 năm, khi không nghe trong vách có tiếng kêu tên tôi, cách vài ngày sét đánh bể tấm vách bày ra ba cuốn sách rất quý báu trên đời không có.

Cuốn thứ nhất là Thiên-độn (dạy bay theo mây theo gió).

Cuốn thứ hai là Địa-độn (dạy dùi đất khoan đá mà đi).

Cuốn thứ ba là Nhơn-độn (dạy tàng-hình phi-đao mà lấy thủ cấp).

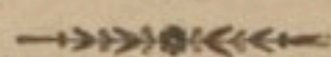
Luận như đại-vương thì dả trật phẩm trào đình, chẳng còn ham chi cả, vậy xin đại-vương đi theo tôi về núi Nga-mi, tôi sẽ truyền ba cuốn sách đó cho ngài. Tháo nói : Ta cũng muốn đi đó, mà ngặt về việc quốc-vương không ai thế cho ta. Tá-Từ nói : Gần đây có người bên Ích-châu tên là Lưu-Bị, thôi ngài hãy nhượng vị cho người, nếu ngài không vưng lời thì tôi sẽ phi-đao mà lấy thủ-cấp ngài. Tháo nổi giận nói : Mi là người gian của Lưu-Bị sai đến mà hại ta. Liền dạy quân bắt Tá-Từ trói mèo, dạy đem ra mà khảo, quân đánh bao nhiêu thì mặc lòng. Từ cứ cười hoài, mà hết cười thì ngũ mê ngáy pho pho. Tháo thấy vậy thì

giận lắm, dạy quân đem vô ngục mà xiềng lại và đóng gông, cách vài giờ mở ngục xem, thấy gông xiềng ở một nơi, còn Tá-Từ thì nằm ngủ một bên, Tháo dạy cầm tại ngục bảy đêm ngày không cho ăn uống, bảy ngày rồi mở ngục xem thấy Từ ngồi trơ trơ nhan sắc rất xinh-tốt, quân vào thưa lại cho Tháo hay sự lạ như vậy. Tháo dạy dẫn đến mà hỏi ; Tá-Từ nói : Bảy lâu tôi tu nơi núi Nga-mi hai ba chục năm không ăn uống chi cả, cũng có ngày mà ăn cả ngàn con dê. Tháo lấy làm lạ lắm, dạy quân dẫn vào ngục.

Đến ngày Tháo hội các quan ăn yến nơi Ngụy-vương-cung, các quan đang vầy vui tiệc rượu, thấy Tá-Từ chơn mang giày cây, tới đứng trước tiệc, ai nấy ngó nhau mà lấy làm lạ vì đã bỏ vô ngục lại đóng xiềng mà sao lại ra đặng. Từ nói. Ngày hôm nay các quan dự tiệc của đại-vương, mà chẳng biết các ông có cần vật chi chẳng ? Nếu có cần vật chi thì nói tôi sẽ lấy thêm cho. Tháo nghe nói bèn nói rằng. Ta cần dùng một món gan rỗng nấu canh. Tá-Từ nói. Như đại-vương muốn gan rỗng thì không khó chi. Bèn lấy viết mực vẽ vô vách một con rỗng, lấy tay áo quạt một cái thì tự nhiên là rỗng sống, rồi lấy dao chém vào nơi hông con rỗng, rồi thò tay vào móc gan con rỗng kéo ra cắt trao cho Tháo. Máu chảy rùng rùng. Tháo nói. Đó là gan của người đem theo (xem số 43.) Tá-Từ nói : Mùa này là mùa không có bông hoa chi cả, nếu đại-vương muốn dùng thứ hoa nào thì tôi sẽ đem cho, mà xem. Tháo nói : Ta muốn xem hoa mẫu-đơn. Từ nói : Đều đó có khó chi, hãy biểu quân đem chậu ra trước tiệc. Tá-Từ ngâm nước mà phụng vào chậu tức thì mọc lên một cây mẫu-đơn có hai bông, các quan lấy làm lạ bèn mời Từ ngồi mà ăn tiệc. Người nấu ăn đem lên một món gỏi cá, Từ thấy gỏi cá thì nói : Gỏi cá lý-ngư mới là quý, lý-ngư ở sông Tòng-giang mới là ngon. Tháo nói. Đây mà đi đến Tòng-giang thì xa lắm biết làm sao cho đặng, Từ nói tuy là xa xuôi, mà ý đại-vương muốn thì không khó chi. Tức thì biểu quân đem ra một cái cần câu, Tá-Từ cầm ra trước ao hồ mà câu một hồi đặng hai mươi con cá lý-ngư. Tháo nói : Trong ao của ta chẳng có lý-ngư. Tá-Từ cười và chỉ Tháo mà nói. Đại-vương sao mà nói dối vậy ; thứ cá lý-ngư ở các sông thì có hai mang giò mà thôi. Còn như cá lý-ngư ở sông Tòng-giang thì là bốn mang, hãy xem lại cho rõ. Ai nấy bắt cá mà xem quả là bốn mang, Tá-Từ lại nói rằng. Cá lý-ngư đó nấu với gừng tía mọng mới là ngon. Tháo nói ; Vậy mi cũng lấy gừng tía đặng hay

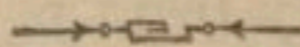
sao. Từ nói : Nếu muốn thì có. Liền bảo quân bưng ra một cái chậu không, Từ cỡi áo phủ lên chậu, một hồi lâu dờ ra trong chậu đầy những gừng tía mộng, Tháo vừa lấy gừng mà xem, thì thấy trong chậu có một cuốn sách, ngoài bia đề là : Mạnh-đức tân thư. Tào-Tháo cầm sách mà xem sau trước y như cuốn sách mình đã đốt ngày trước. Tháo lấy làm lạ lắm. Từ bèn lấy ly rót một ly rượu mà đứng lên và nói : Xin đại-vương uống rượu này thì hưởng thọ ngàn năm. Tháo trong lòng mười phần cả nghi, bèn biểu : Mi hãy uống trước, Từ vội vã lấy cái lông nhím trên đầu cầm mà rạch ly rượu làm hai, y uống hết nửa, còn lại nửa phần nó đứng sững trong ly như thể là râu câu nấu đặt, y bèn đứng cho Tháo. Tháo thấy lạ lùng bèn nạt lớn một tiếng, Tá-Từ giật mình quăng ly rượu lên trên không, liền hóa ra một con chiêm cưu trắng, bay khắp trong đền. Các quan ai nấy đều ngó theo con chiêm, Tá-Từ biến đi mất. Tức thì quân vào báo rằng : Thấy Tá-Từ đã đi ra cửa rồi. Tháo nói nó thật là đồ quỷ yêu phải trừ nó mới xong. Liền sai Hứa-Chữ đem ba trăm binh theo bắt giết, Hứa-Chữ bay ngựa ra tới cửa thành, thấy Tá-Từ chơn mang giày cây mà đi chậm chậm cách hoan thai. Hứa-Chữ giục ngựa theo hết sức thì cũng chừng đó mà thôi, muốn nắm mà nắm không dặng cứ vậy hoài. Theo đến một cụm rừng núi, có một bầy dê đang ăn, Tá-Từ bèn nhập vô bầy dê rồi mất : Hứa-Chữ dương cung bắn vô bầy dê cũng không nhằm ai, bèn nổi giận bắt cả bầy dê chém hết rồi đem binh trở về thành. Mấy đứa chăn dê thấy bầy dê của mình chết hết thì khóc hoài. Chúng nghe tiếng vẫn vẫn trong cái đầu dê, kêu mà nói rằng : Bay chớ khóc, bay hãy lượm đầu mà ráp vô với mình rồi dê nó sẽ sống lại. Khi ráp đầu với mình thì chẳng coi miếng là đủ đầu mình thì thôi. (Dê cái dê đực lộn xộn là tại hồi ráp đó). Tá-Từ kêu trẻ chăn dê mà nói : Đó tao thường đủ dê sống cho bay đó. Mấy đứa chăn dê lấy làm mừng muốn hỏi thì Tá-Từ đi mau như gió vậy, ngó theo không kịp. Mấy thằng chăn dê về nói lại sự tình cùng chủ, chủ bèn đi báo nói các việc cho Tháo rõ. Tháo dạy mặt đồ hình ra khắp xứ phải bắt Tá-Từ nội ba ngày, người ta bắt đem nộp hơn ba trăm người, giống in như Tá-Từ, như dân trong thành thấy sự kỳ quái thì sợ kinh hãi. Tào-Tháo lấy làm bối rối bèn truyền lấy máu chó máu dê đổ trên đầu mấy trăm người Tá-Từ, rồi đem

ra pháp-trường mà chém đi. Tào-Tháo bồng thân đem năm trăm quân theo vây phủ, hễ chém người nào thì trong miệng bay ra một vùng khói xanh, khói ấy bay lên trên không lại hóa ra Tá-Từ cỡi một con hạc ngó xuống chỉ Tào-Tháo mà nói rằng: Thổ thữ từng kiem hồ, gian hùng nhứt đáng hư, năm tí tháng giêng Tháo phải chết. Tào-Tháo lại bảo quân lấy cung tên mà bắn Tá-Từ với con hạc, tức thì đông gió dữ tợn cho đến đôi đá chạy các bay, mấy trăm cái thây bị chém đều xách đầu áp vô mà đánh Tào-Tháo, lúc đó ai nấy đều mất vía, mạnh ai nấy chạy còn Tháo thì sợ quá bèn té xiểu nơi đất, trong một hồi lâu gió lặn, mấy cái thây đều mất hết. Từ đó về sau Tháo thọ bệnh nhức đầu đông. Dê đực dê cái lộn nhau, như trí ngu tưởng như vậy mà chẳng biết có phải cùng chăng, nếu vị nào thấy rõ xin dạy lại.



47. — *Tan bồng (cây dâu).*

Tan bồng là cây dâu, cây cồ bồng, hoặc là cây lau lách. Xưa người ở nước Lỗ, tên là Nguyên-Hiến, cũng là học trò của Đức-không-Tử, phận nghèo khó, nhà rách xề xài trên thì trống, dưới thì ước, lấy cây lau làm cửa lấy vỏ dâu làm giầy mà cột, tuy là nghèo mà cứ giữ theo lẽ nghĩa chẳng hề sai. Ngày nọ có thầy Tữ-Cống là bạn học đến thăm, thầy Tữ-Cống ý mình nhà giàu ăn mặc lỏa thể không giữ theo niềm nết như bạn. Minh mặc áo cầu tốt nhẹ, lại cỡi ngựa tốt, tới gần nơi cửa. Thầy Nguyên-Hiến lật đật đội mào cầm gậy ra rước, trên đầu đội mào rách, áo thì lủng lăm nhăm, chơn mang giầy rách; Tữ-Cống bèn hỏi Nguyên-Hiến rằng: Chẳng hay thầy đau bệnh chi vậy? Nguyên-Hiến đáp rằng: Xưa nay tôi nghe họ nói rằng ai không có của thì nghèo, có công mà vô danh thì gọi là bệnh, tôi thật là nghèo chớ không phải bệnh. Tữ-Cống nghe qua thì biết rằng thầy Hiến chê mình là người không biết học vì mình không giữ như bạn. Trong sách ấu học loại cung tất, với sách lễ thiên như bạn nói: Hễ người biết học thì phải giữ theo như bạn, không nên ăn mặc lỏa thể quá. Đây thầy Hiến xưng mình nghèo đó là nói mình là người biết học biết giữ theo như bạn, còn thầy Tữ-Cống ý giàu mà không biết học. Từ đó về sau thầy Tữ-Cống lấy làm mắc cỡ.



48. — *Mộ vân hay là vân thụ.*

Lời nói mộ vân hay là vân thụ, tích như vầy : đời Ngũ-đại (hậu Châu) tại phủ Khai-phong, có người tên là Nhi-Tĩnh, làm quan Xa-ky-tướng-quân ; kết bạn với một người ở Đông-hải (nhà Tống) tên là Bao-Chiếu làm quan Tham-quân, hai người này khi còn gần nhau thường ngày hay trò chuyện văn chương uống rượu cùng nhau, khi phân cách nhau thì lấy làm nhớ nhau lúc uống rượu, lúc luận việc văn chương, nên có làm một bài tuyệt cú như vầy :

Vị bất xuân thiên thụ (Sông-vị phía bắc ngó dạn mây trời mùa xuân).

Giang-đông nhật mộ vân (Ngó phía Giang-đông thấy lùm mây).

Hà thời nhật tôn tửu (Chừng nào gặp nhau uống nhạo rượu).

Trùng giữ tế luận văn (Bàn luận việc văn chương).

49. — *Bản minh (chậu tắm của vua Thang).*

Lời bản minh là lời ngay lời lành lẽ phải. Sách Đại-học nói : Thang chỉ bản minh. Thuở xưa vua Thang là một vua rất nên là hiền lành, công bình như đức, ngày ngày hằng xem xét việc của mình làm, phải thì làm theo mà quấy thì sửa lại. Vua sợ e có khi quên mà làm đều bất minh bất chánh, bởi vậy vua có sắm một cái chậu lớn để đựng nước mà tắm, xung quanh cái chậu có chạm chữ nổi như vầy : « *Cần nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân* ». Mỗi ngày vua tắm thì nhớ lại mà sửa mình không hề để cho mình làm lỗi việc tà vạy. Ấy đó vì-để vương là bực trên cả thiên hạ mà còn sợ lỗi thay, huấn chi người như gian, vạy như mình có làm quấy thì xin cải, có lời rằng : Lỗi bất quá cải tự vị báu hĩ.

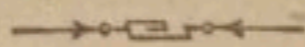
50. — *Nhứt dạ trạch.*

Nghĩa nhứt dạ trạch là như vầy : Công-chúa Tiên-đồng vốn là con vua Hùng-vương. Ngày kia Công-chúa đi dạo chơi nơi mé biển, khi trở về thì đi ngang qua một chỗ rất nên là rậm rạp lắm dựa mé bưng, thỉnh linh bèn thấy một người con trai rất nên xin tốt lắm, người trai này tên là Sữ-đồng-tử đang tắm, nàng Công-chúa thấy phải lòng, hai

đàng trò chuyện cùng nhau kết ngãi làm vợ chồng, Công-chúa trốn ở lại không về. Vua nổi giận bèn sai quân đến vây xung quanh cái bưng đó dặng mà bắt vợ chồng Sĩ-dồng-Tử. Ai ngờ là nội đêm ấy mưa to, dông lớn làm cho nhà cửa phải bay mất hết, sáng ngày mưa tạnh, quân lính vào xem thấy có một cái nền nổi lên giữa đó (gọi là nhứt diên châu nhứt dạ trạch, bây giờ còn tại tỉnh Hưng-yên, phủ Văn-giang huyện Đồng-an, làng Vĩnh-hung).

Đời sau vua Triệu-việt-vương; có ông Triệu-quang-Phục, bị tướng Tào là Trần-bá-Tiên rượt ông Triệu-quang-Phục dẫn hai ngàn binh vào ở tại nền đó. Ngoài thì binh Tào vây, trong thì quân lính cũng gần hết lương, ông Triệu-quang-Phục nói: nếu ở đây lâu thì phải chết đói, nhớ lại chỗ này cũng là một vị thần linh xưa, bèn đặt bàn ra mà van vái trời đất quỷ thần.

Đến nửa đêm lúc vẫn vẽ có một vị thần cõi rồng vàng mà bay đến xưng rằng: Sĩ-dồng-Tử, bèn rút một cái móng rồng vàng mà cho ông Triệu-quang-Phục lại dặn: Móng rồng này phải dắc trên mào, khi nào ra trận thì sẽ thắng trận, ông Triệu-quang-Phục cảm tạ, Sĩ-dồng-Tử cõi rồng bay đi. Qua ngày mai ông Triệu cứ làm theo lời thần dạy, thật quả y như vậy thắng trận rượt đuổi Trần-bá-Tiên cùng cả bọn trở về trung-quốc; đó là đời nhà Lương.



51. — *Trăm năm trong cõi người ta.*

(gọi là đời người).

Một trăm năm là một đời người, một trăm năm tính ra là một ngàn hai trăm tháng, là ba vạn sáu ngàn ngày, những tháng ngày đó đều có đời người, cõi người trống:

Người sinh ra một trăm năm mà chết cũng gọi một đời (một cõi).

Người sinh ra bảy tám chục năm mà chết thì cũng là một đời.

Người sinh ra năm ba năm mà chết cũng gọi là một đời.

Người sinh ra năm bảy tháng mà chết cũng gọi là một đời.

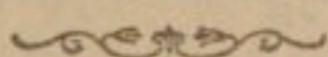
Người sinh ra năm mười ngày mà chết cũng gọi là một đời.

Người sinh ra đôi ba giờ mà chết cũng gọi là một đời.

Người sinh ra vừa khỏi lòng mẹ mà chết cũng gọi là một đời.

Ấy đó trong một trăm năm đều có đủ cõi (đời) người, nên trong kiểu nói trăm năm trong cõi người ta, là như vậy.

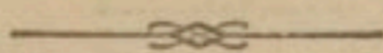
Đời xưa, đời nay khác nhau xa lắm; thấy trong truyện trong sử nói: Ông Bàn-cổ, là người sinh ra trước loài người ta ông sống tám trăm năm, đó cũng là một đời; vua Nghiêu sống một trăm mười tám tuổi; vua Thuấn sống một trăm mười tuổi đó cũng gọi là một đời. Còn như thầy Nhan-Hồi sống ba mươi tuổi mà chết gọi là chết yếu, tiếng chết yếu là chê người thiếu đức nên phải chết nhỏ, đời nay xem ít có ai sống đến một trăm, tuổi chưa già lắm bảy tám chục thì thôi. Hễ người nào chết dưới ba mươi tuổi, thì là chết yếu. Đám ma đi không có giá triệu.



52. — *Mộng huỳnh lương.*

Huỳnh lương chín nồi cháo kê mới tỉnh lại.

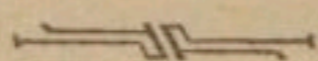
Tô-Đĩnh tính đi thi, ra nơi quán xin thầy xem tướng mình thi đậu cùng chăng? Ông thầy xem rồi nói đi thi không đậu, đừng đi thi hay hơn. Tô-Đĩnh mắng thầy; rồi sao y bù ngũ, ông thầy cho mượn cái gối nằm co đó mà ngũ. Vừa thấy chiêm bao, thấy mình thi đậu làm quan đến chức Tể-tướng. Sau bị công tội, vua quở, y giận bèn dựng sớ xin về hưu trí, vua nổi lời đình, liền cách chức, lại giam nơi trấn phủ, lấy làm sâu thăm, khi bà con vào thăm y khóc oà lên. Mở mắt ra mới biết mình là chiêm bao. Nội cuộc làm quan đó đã hơn hai mươi năm, trước khi ngủ thì nồi cháo kê mới bắt lên, khi thức dậy thì cháo kê đã chín. Gẫm lại ở đời công, danh, phú, quý, sang, hèn, vinh, nhục nào khác chi là cuộc chiêm bao.



53. — *Hiệp cần giao bôi.*

Cuộc đám cưới, khi dâu rẽ vào phòng ăn mâm tơ hồng thì gọi là hiệp cần giao bôi. Nói như vậy thì chưa rành. Có lời nói rằng: Đồng lao như thực, hiệp cần như ẩm. Hiệp cần, thật sự xưa dùng khác nay khác, xưa lấy một trái bầu ve nhỏ xiểu, phơi khô cắt chia hai cho đều nhau, để làm hay cái ly, khi vợ chồng vào phòng thì có người rót rượu trong hai cái ly đó sẵn sàng, vợ một ly chồng một ly, bung lên hai đàng xá nhau rồi uống, uống rồi, hai cái ly úp lại thì xem như một trái bầu nguyên, xem xung quanh kích khao không hở chỗ nào, hai như một, đó gọi là hiệp cần, là có ý hiểu việc vợ chồng là y như nhau một lòng một dạ,

chẳng hề sai chạy, cũng như một ruột một gan. (Thường thấy nhiều người làm đều chẳng phải, khi nào chồng vợ giận nhau, xa nhau, thì hay nói xấu cho nhau, dầu việc kín thế nào cũng nói ra, những người như vậy thật là cây đá, nếu người xấu mình lại tốt chi.

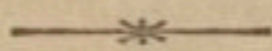


54. — *Mâm tơ hồng.*

Phép đám cưới rước dâu về bên trai, thì dâu rẽ đi ngay vào bàn thờ, lạy từ đường rồi lạy ông bà cha mẹ cô bác, rồi lạy hai họ, đoạn mai-nhơn phải mời dâu rẽ vào phòng mà hiệp cần, trong phòng có dọn một mâm đồ ăn kêu là mâm tơ hồng, mai-nhơn đứng kề mâm mà vái cho vợ chồng hòa hảo cùng nhau nối tóc tới già; rồi chàng rẽ nàng dâu đều giao bài. Trong việc lễ dạy nhiều chỗ rất kỹ can lắm là theo xưa, chớ nay thì chế bớt.

Thuở xưa hay dùng cưới rước ban đêm vì cứ theo lẽ, vì là chủ hôn đó tra ra nó là tối, là đầu hôn, là giờ thuộc âm, mà nay trong thế sự cải nói rằng: Việc chi làm ban đêm đó là gian, có lời tục nói rằng: Không gian đi đâu tối, không vội đi đâu đêm, thế sự thấy ai cưới hỏi ban đêm thì cười nói có lý gian chi chi đó nên mới đi đêm như vậy.

Chữ tiền dâm hậu thú, nghe có nhiều người nói sai lý sai nghĩa, vốn thật là vợ chồng lấy nhau rồi, sau sẽ thú phạt, hoặc là nôm thì đều gọi là tiền dâm hậu thú, chớ như nói cách khác thì là quấy xa.



55. — *Các-chú (Chú-chệc)*

Vì cơ nào người trong Nam-kỳ lục-lĩnh, có lòng kính trọng mấy người chệc, đã húy tên không kêu chệc thì chớ mà còn kêu tưng bằng chú, cũng không kêu chệc, cũng không kêu thẳng, kêu bằng Các-chú. Xét lại trong Nam-kỳ, từ năm Kỷ vì tới nay, có nhiều nước tới buôn bán, hoặc là lập qui mô, nhiều nước khôn ngoan, thông thái, tri huệ, như nước Phalangsa là một nước mạnh mẽ, lại cai trị trong cõi Đông-dương, lẽ thì người Nam kiên sợ mà húy tên mới là phải, mà chẳng kiên nề, cứ tên tộc mà kêu mà thôi. Như Phalangsa thì cũng kêu là Phalangsa.

Người Hồng-mao cũng kêu là Hồng-mao, An-lê.

Người Nhứt-bồn cũng kêu là Nhứt-bồn.

Người Chà-và, người Cao-mên cũng kêu là Mên, Chà.

Còn người Chệc thì không kêu Chệc không kêu Khách, không kêu Thanh, không kêu Minh, cũng không kêu thẳng, lại húy tên mà kêu là Các-chú.

Cố ý hỏi thử mấy người lớn xin nói cho rõ về tiếng kêu Các-chú ; nhiều người nói như vậy : Người Nam với người Chệc thì là bà con với nhau gần lắm, vì là thuở trước người Chệc qua Annam lấy con gái Annam mà sinh ra con cháu nối truyền, nên người Chệc là bên nội, người Nam là bên ngoại ; vậy nên Annam phải kêu Chệc bằng Chú.

Mấy ông nói thế ấy thì cũng nghe mừng tượng, xin hỏi: Nói như vậy ; nếu lấy theo xưng hô bề bên nội thì phải kêu bằng Chú, Bác, Cô, mà sao xưa nay không hề nghe kêu Bác-chệc, Cô-xâm, quả như lời nói bên nội bên ngoại, sao không thấy Chệc nào kêu Annam bằng cậu bằng dì. Chệc cứ kêu bằng thẳng Annam, còn đờn bà thì nghe kêu là Annam phò.

Luận như lời nói nội ngoại, người Chệc qua lấy Annam, người Chệc đó không phải là ông Bàn-cổ, sao đặng làm anh cả và Trung-quốc. Lâu nay bất kỳ Chệc nước nào, hề qua Annam thì người Nam đều kêu bằng Chú, nếu vậy hết thấy bên Tàu bất kỳ Chệc nào đều là em cha mình hay sao? Thật lời nói bên nội bên ngoại là lời nói ước chừng không đủ cơ mà tin.

Luận cho cạn lẽ ; đất Nam-kỳ với đất Tàu thì xa nhau lắm, đàng xa xuôi cách trở biển sông, đờn trước đi bằng tàu buồm, thuận gió thì mau mà nghịch gió thì lâu lắm ; mà cuộc đi sông biển sóng gió gian nan một mất một còn, dễ chi mà người Chệc đi thẳng qua Nam-kỳ mà lấy người Nam-kỳ, đều ấy không đủ lý mà tin. Gầm lại đất Tàu với đất Bắc thì là giáp ranh nhau, đàng liền dễ đi, lẽ thì Chệc nói đi qua Bắc-kỳ mà lấy người Bắc trước mới là phải rồi lần lần vô tới Nam. Mà sao người Bắc không ai kêu bằng Các-chú, người ngoài Bắc kêu Chệc bằng người Khách hay là Thanh-khách, xét lời nói nội ngoại là nói sai lầm vô tích cơ. — Lại xét xa nữa cho túc lý mà nghe :

Đời Tam-quốc, có tên Mạnh-Hoạch là chánh người trước của người Annam. Đời đó ông Khổng-Minh làm Thừa-tướng, đem binh chiếm cứ đất Annam ; Khổng-Minh đánh bắt Mạnh-Hoạch bảy lần, Mạnh-Hoạch chịu chết mà không chịu hàng đầu, không chịu người chiếm cứ đất của Tô-

phụ, Mạnh-Hoạch ghét người Chêc lắm. Chêc nào dám lảng qua Nam mà lấy người Nam. Truyện sử đời đó cũng không có chỗ nào nói tiếng Các-chú. Qua mấy đời sau cũng không thấy nói, bên Annam, kể từ Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, mấy đời vương-đế trị cõi Nam, cũng không thấy chỗ nào nói về tiếng Các-chú. Đến đời nhà Nguyễn vua Gia-Long bình Tây-sơn rồi nối truyền tới nay, cũng không thấy chỗ nào nói về tiếng Các-chú. Cũng ra công tìm kiếm cho ra căn cội mà không thấy rõ ; quả thật lời nói nội ngoại đó là lời bày ra mà nói với mấy người không tai mắt : (Xin suy nghĩ mỗi việc trong thế gian đều có tích có đầu đuôi, có lời nói rằng : Có tích mới dịch ra tuồng)

Nguyên tiếng nói Các-chú, nó là như vậy mới là phải. Khi còn cựu trào cai trị Nam-kỳ, người Chêc đến nước Annam trú ngụ làng kia tổng nọ, ở tạm mà buôn bán làm ăn ; theo phép nhà nước đời nào cũng vậy, hễ người lạ mặt tới ở trong làng, thì làng phải chạy tờ khai báo cho quan sở tại hay ; trong tờ làng làm mà chạy cho quan tỉnh thì nói rõ ràng như vậy : Kiêm hữu khách trú là danh chi đó (thật có xem tờ giấy cũ đời Minh-Mạng) trong tờ rõ ràng là chữ Khách-trú. Tra rõ hai chữ đó ra, thật chữ Khách với chữ Các nó khác nhau một cái Dẫn đầu mà thôi, còn chữ Trú thì không khác mà nói trại Trú ra Chú.

Trong đất Nam-kỳ, người Annam biết chữ nôm nhiều hơn là chữ thiệt, lại có nhiều khi đọc chữ thiệt, như thể chữ nôm, mà thứ chữ nôm thì là khó liệu, người nôm thế này, người lại nôm thế khác, ai muốn đọc sao thì đọc, bởi đó nên trong việc làng viết rõ là chữ Khách-trú, là chánh lý, chánh nghĩa, mà mấy người hay dùng chữ nôm xem mặt mờ đọc bươn chữ khách ra chữ các, chữ trú ra chữ chú đọc vậy nói vậy trùng trật tự ý, cũng có người nghe nói quấy thì mặt lòng không dám sửa, vì là mình không có quờn phép, còn người có quờn phép thì không sửa làm chi saah ra sự mất công, vì là những đều nói trại nói sai thì mặc lòng mà không có can hệ chi tới việc nước, chẳng cần chi phải sửa. Ban đầu thì một người nói, rồi lần lần nói chuyện tới năm bảy người nói, lâu lâu nói rây ra cả và xóm, rồi truyền lẫn cả xứ đều nói theo. Đây nói tắc một đều cũng đủ mà tin sự sai lầm, sánh lại như thể những tiếng nói sau này : Sài-gòn mà người ta đọc ra thầy-gòn ; đầu đầu cũng là đọc thầy-gòn trừ ra một hai người ở

châu-thành mà thôi, đó chữ Sài rõ ràng (thử trên một dưới) mà đọc ra thầy nào có ai cái cấm chi đâu, thì cũng như chữ khách mà đọc ra chữ các, (dẫn đầu trên các dưới) đọc sao thì đọc nói sao thì nói không ai cấm ngăn, dầu nói trại nói dớt thì mặc lòng cũng không ai ngăn đón, như nói tam sàu bạch phát mà cãi lại nói rằng tam sàu bạch sát, cũng là thành tục rồi sao thấy ai cãi đâu, như một tiền rưởi, lại nói là một tiền dưới, con cá rô, nói là con cá dô, con cá trê, nói là cá chê, rộn ràng, nói rằng dộn dòn, chưởi rửa, nói chưởi dũa, vốn thật là lưởi không xương.

Năm trước đây Nhà-nước có bày ra một thứ giấy để mà làm tờ vay hỏi hoặc làm đơn trạng, giấy ấy có in con dấu kêu là giấy tín-chĩ, mà thế sự không kêu như vậy; lại kêu là giấy canh-chĩ, chấ-m-chĩ, điếm-chĩ, thủ-chĩ, tuy là nói sai mà cũng hiểu dạng nào có ai ngăn cấm chi đâu, ai nói thế gì thì nói, miệng là lời nói chẳng phạm đến quốc-pháp thì thôi, cũng chẳng lợi hại chi cho ai mà phong ngại, phòng sợ, ai nói cũng dạng chẳng sợ ai.

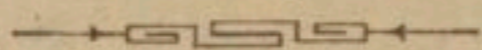
Có nhớ chẳng năm trước đây, khi không mà họ đồn bậy rằng Nhà-nước cấm không cho mặc quần lưng đỏ (vì là màu đỏ là màu để mà đội cho mấy hình trong chùa miếu), đồn rục rĩ cả châu-thành nói rằng ai bận quần lưng đỏ đi đảng lính nó sẽ bắt mà xé đi, làm cho lả lơ thân thể.

Trong lúc đang đồn đó làm cho mấy cô mấy chị, nhộn nhàn đi mua màu xanh mà thay lưng, đồn bậy như vậy làm cho dân châu-thành phải xao động, làm thẩu tai quan trên hay rõ sự đồn bậy bạ, bèn ra tờ cấm những lời đồn bậy đó, nếu ai còn đồn quấy như vậy bắt dặng thì trọng phạt, từ đó về sau không ai dám đồn quấy như vậy nữa. May nhờ có Nhà-nước ngăn cấm, chớ như không cấm thì bây giờ có ai dám mặc quần lưng đỏ đâu sau cũng thành tục lệ.

Ấy vậy những lời luận về tiếng kêu Các-chú, đã giải rõ ràng, vì tại người trước lầm sai mà không ai sửa nên thành tục lưu truyền lâu dài nay có biết cũng không sửa dặng.

Phận tôi là người hậu sanh, đâu dám biết việc cao xa vì thấy trái mắt, nghe trái tai, nên phải tìm ra chút dĩa mà nói; luận theo ngu trí của tôi thì như vậy.

Có ai thấy xa hiểu rõ cội rễ, có bằng cứ đủ lý, xin vui lòng dẫn giải căn cội, cho trẻ dàng em hiểu với cũng như anh em dạy nhau, cũng niềm một bồn thĩ nguyên, việc đó nói ra cho mình nghe chớ chẳng lợi hại chi tới ai, song vậy mặc lòng cũng là một điều có ít chung cho những người đồng bang.



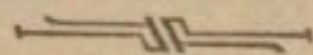
56. — *Hằng nga (thằng cùi).*

Đời nhà Hạ, vua Trọng-Khương, có người tướng tên là Hậu-Nghệ, có thuốc trường sanh, ngày kia vợ người ăn cắp thuốc trường sanh của chồng mà uống; sợ chồng đánh bèn trốn lên ở nơi mặt trăng, người ta kêu là Hằng-Nga (thằng cùi). Người Hậu-Nghệ này dữ quá, đuổi vua đi mà soán vị lại thêm lấy vợ nữa.



56. — *Bù chì (Bù chì cho con).*

Bù chì, thêm chì vào cho nặng cân cho đủ cân. Nguyên tích xưa có một bà già kia có bốn năm đứa con, mà trong năm đứa con đó thì đã có tư riêng, mấy người có con đều nghị cùng nhau, luân phiên nhau đem mẹ về nhà nuôi, người thứ nhất nuôi rồi thì giao cho người thứ hai, mà mỗi khi giao thì có cân coi mẹ nổi bao nhiêu, như ai vụng nuôi mà để cho mẹ sút cân thì người kia không chịu lãnh. Cha mẹ thì thương đồng, đứa nào cũng là con, nhưng mà mấy đứa nghèo thì có ý thương hơn; phiên mấy người giàu thì là ăn uống phủ phê, mà đến phiên mấy người nghèo thì mẹ phải hãm bớt ăn uống thất thường, nên bà mẹ ốm, nhẹ cân, đến khi cân mà giao phiên cho người khác, thì mẹ biết trước rằng mình ốm thiếu cân, nên bả lén lấy chì mà lặn trong lưng bù thêm cho đủ cân cho con, nên mới là bù chì cho con là như vậy.



58. — *Con hoành, tờ liễu buôn mảnh.*

Thường nghe người bình kiêu, nói sái, nhất là mấy chú làm hề đi canh hay bình câu kiêu đó. Lơ thơ tờ liễu buôn mảnh, con anh học nói trên nhánh mĩa mai, nếu đọc như vậy thì sái không nhắm phải đọc như vậy: Lơ thơ tờ liễu buôn mảnh, con hoành học nói trên nhánh mĩa mai.

Tơ liều buôn mảnh là cái thoi dệt vải, cái thoi dệt vải dệt hàng, trong ruột cái thoi có quấn tơ mà sợi tơ nó mảnh nhỏ, mà cái thoi quấn qua quấn lại, sợi tơ tuy là mảnh mà không đứt (đó là chỉ nghĩa vợ chồng như sợi tơ vậy tuy là mảnh mà khó bứt cho đứt, có nhiều người giận nhau đánh nhau đập đầu chảy máu mà ít ngày hết giận rồi cũng trở lại với nhau bứt không đặng, ấy là lươn dươn do tức để dai ngẫu thiên thành).

Con hoanh học nói trên nhánh mĩa mai, con hoanh là con át, cái không để mà dệt vải, ở trên có treo một con hình như con chim lớn, có đầu mỏ có đuôi, có hai cánh làm bằng cây, trước mỏ có cột một sợi dây, sau đuôi có cột sợi dây, hai sợi dây đó đều cột chuyền xuống nơi cái không dệt chỗ bàn đập, người ngồi dệt hai chơn đập, hễ căng kia đập cái go nó hở ra thì quấn cái thoi qua, tay nọ bắt cái thoi, căng nọ đập thì cái go nhiếp lại tay kia quấn cái thoi trở lại tay kia bắt (gọi là đưa thoi; người dệt vải quấn thoi qua lại coi không kịp), hễ chơn kia đập cái bàn, thì sợi dây chiền bên mỏ con át, con át nó gục mỏ xuống nó kêu cọt, rồi căng kia đập cái bàn kia thì cái đuôi con át nó gục xuống nó kêu kẹt, đập lìa nó kêu cọt kẹt, cọt kẹt (đó là con hoanh học nói trên nhánh mĩa mai; mĩa mai là nói cọt kẹt gần giống con chi chi kêu đó).

59. — *Chùa một cột.*

Có nghe người ta hay nói tiếng chùa một cột, có nhiều người hiểu ý trái thì là quấy lắm, thường thấy nói như vậy: Người kia hỏi thăm xưa rày chị nọ đi đâu vắng? Thì người kia nói rằng; Nó đi tu, chị nọ ừ rồi nói: Nó già hình như vậy chớ nó đó thì đi tu chùa một cột đá xây hai hòn, nói vậy rồi hiểu ý trái mà cười nhạo, người ngờ là không chớ thật là có rõ ràng.

Bắc-thành, tại phía sau thành Hà-nội có một cái chùa một cột nguyên tích là như vậy: Xưa đời nhà Thục vua An-dương-vương xây thành Loa-thành, mà hễ xây lên gần đúng mực thì lại lở xuống, cứ vậy hoài, vua buồn rầu cầu khẩn xin xây cho đặng. Có một vị tiên đến đứng chỉ thành mà nói rằng: Thành này xây đời nào xong, các quan bèn mời vô, vua hỏi vì làm sao mà xây không xong, vị tiên nói,

ngày kia sẽ có Thanh-giang-sứ nói cho mà biết, tức thì vì tiên biển đi mất, Bữa sau vua gặp một con rùa vàng ở dưới nước bò lên, rùa này biết nói tiếng người, lại xưng mình rằng Thanh-giang-sứ, vua lấy làm mừng đem về lấy chậu vàng mà rọng, vua hỏi vụ xây thành, thì rùa Kim-qui nói: Đó là cháu vua nước Văn-lang oán mà khuấy đó, lại có thần Sơn-xuyên ở núi Thất-diệu, là hồn những kẻ đờn thồi hồi trước, hiệp nhau mà báo thù cho nước Văn-lang, tại núi có ông quán tên là Ngô-Không, có đứa con gái nuôi con gà trắng, quĩ ma nhập vào đó mà hại người. Vua dạy đem thần Kim-qui theo lên núi, tới quán già dặn xin ngủ đở một đêm, ông quán xem tướng mạo vua rồi biểu đi đi, sợ e ma quĩ nó hại, vua ngủ đó ban đêm quĩ ma nó đến làm hại mà nhờ có thần Kim-qui nên nó không làm chi, gần sáng vua theo dấu nó lên núi Thất-diệu rồi tản ra mà nhập vô đó.

Vua bèn xin ông quán con gà trắng làm thịt mà tế, làm thịt con gà trắng, thì con gái ông quán cũng là chết theo, vua dạy đào xương cốt đồ xuống sông, khắc phù chú đào hầm mà ếm. Cuộc ếm đó là đào một cái hầm lớn sâu để cụt đá có lời phù xuống, rồi cứ lấy đá mà để chồng lên tới mặt đất bằng, tại chỗ mặt đất bằng họ lấy cây để ngan qua nhiều cây, làm cũng in như cái lồng bò câu vậy, làm ra một cái chùa nhỏ nhỏ, giữa thì cái chùa có một cột, xung quanh thì nước đầy như sông. Ấy là chùa một cột có thật rõ ràng, chớ có hiểu ý trái mà mang tội, (công việc đào xương với ếm đối rồi vua về xây thành trong nửa tháng thì xong, kêu là Loa-thành, sau cải lại kêu là Tư-long-thành, (Thăng-long-thành) bèo Tàu lại kêu là Cô-lôn-thành.



Muốn biết thêm sự tích trong nước thì hãy xem cuốn « CHUYỆN-ĐỜI-XUA » mới in rồi giá 0\$60.

In tại nhà in XUA-NAY, Ng.-háo-Vinh,
60-64 Boulevard Bonard, Saigon.



Nếu muốn xem rõ truyện Nhạc-Phi, phải nài cho được bộ NHẠC-PHI của Nhà-In XUA-NAY xuất bản, dịch đủ hơn, đã in xong toàn bộ 27 cuốn, dài trên 1100 trang văn hay và dạn dĩ, giấy tốt, chữ rõ, hình màu cực đẹp, bìa cứng.

Các bộ truyện NHẠC-PHI khác chỉ có 600 hay là 800 trang mà thôi.

Tôi là Annam

Tôi chỉ mua Savon

của hàng Annam

bán mà dùng.

Savon trắng

HIỆU MẶT TRỜI MỘC

và Savon đen

HIỆU CON RỒNG

của hàng Annam Háovinh Côngty là tốt nhất, cứng nhất, ngời nhất, bọt nhiều, lâu tiêu, giặt không mục đồ.

2^e EDITION 1/1 FASCICULE
TIRAGE DE 2.000 EXEMPLAIRES
EDITEUR *Phạm Văn Bình*
Hỏi xem!
IMPRIMERIE XUA-NAY, 82 BORNARD S. GON
SANGON LE DIRECTEUR 19.24

Hay lắm!

Tuồng hát Cải-lương

THÔI-TỬ THÍ TÈ-QUÂN

SOẠN GIẢ: NGÔ-VĨNH-KHANG

Tán tuồng này diễn theo truyện «ĐÔNG-CHÂU LIỆC-QUỐC». Có chụp nhiều tấm hình thật đẹp; viết đủ năm điệu lối rất hay! *Xin rút ít câu dưới đây:*

Lúc Thôi-Tử biệt vợ nói: « *Này em ôi! Chớ như đôi ta đây: Câu thệ-hải, hãy còn in mặt đá; tiếng minh-san cũng vẫn gắn đầu non. Ngày hôm nay qua có đi rồi, qua xin em: Mảnh tình-chung nét mực chớ pha son, duyên kim-cải màu đen đừng nhuộm trắng* ».

Lại như câu Thôi Phu-nhơn tiễn chồng nói: « *Chàng ôi! Đưa bạn ngọc khuyên giữ gìn vóc ngọc, chuốc chén vàng xin ghi nhớ lời vàng. Đừng ham nơi kim-mả ngọc-đàng, mà phụ tiếng minh-san hải-thệ.* »

Lại lúc Thôi-Tử ở ngoài ải nói: « *Nhờ đức chúa kỳ khai đất thẳng, cây oai trời mã đáo thành công. Binh vừa ra giệp giặc liền xong; Bồn-chức cũng muốn thâu binh hồi trào báí mạng nhưng mà: Rủi gặp tiết Đông-phong lạnh lẽo. Nên Bồn-chức phải tạm đồn binh tại đây trong ít bữa. Vì lòng thương tướng-sĩ, bời dạ xót ba quân. Chốn ải-đồng tạm trú nghỉ chơn, chờ hết lạnh sẽ thâu quân yết chúa. (Trống đồ canh hai) Than ôi! Trống bèn lâu dả đồ, nghe trống lâu như gọi nhớ khêu thương. Vàng ngọc thổ dả lên, thấy ngọc thổ bỗng xui buồn khiến thảm. Bời vì tôi đây muốn: Gỡ ách nước nên xa quê lia quán, cứu nạn dân đành phụng tẩn loan chia. Thiệt tôi đây: Chẳng quản chi đập tuyết chốn sơn khê, chỉ thương cho Chiết-kinh của tôi: Đành những chịu ấp sầu nơi phòng lạnh* ».

Xem sơ mấy câu trên đây thì quý vị đã biết tuồng viết hay dở thế nào; lại người viết tuồng này là người mà đã viết cuốn «VỎ-TÔNG SÁT TÀU» và cuốn «ĐƯỜNG-THẾ-DÂN TREO NGỌC ĐÁI».

PHẠM-VĂN-THÌNH

Nº 170, rue Van-Vollanhoven. — Cholon

